

CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM
CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ TP.HCM



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Để đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư, Ban tổ chức đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà TP Hồ Chí Minh khuyến cáo các nhà đầu tư tiềm năng nên tham khảo Tài liệu này trước khi quyết định đăng ký tham dự



ĐƠN VỊ THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Q.1, TP. HCM



ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, P.2, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh

TP. Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

PHẦN I: CƠ SỞ PHÁP LÝ	4
PHẦN II: CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐẦU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU	6
PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM.....	7
PHẦN IV: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP.....	8
I. TỔNG QUAN.....	8
1. Giới thiệu về Doanh nghiệp	8
2. Ngành nghề kinh doanh chính.....	8
3. Quá trình hình thành và phát triển.....	10
4. Thành tích và kinh nghiệm hoạt động của Công ty.....	11
5. Cơ cấu tổ chức và quản lý	16
6. Danh sách những công ty mẹ, công ty con và công ty liên doanh liên kết	21
II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP.....	21
1. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa.....	21
2. Tài sản cố định của doanh nghiệp	24
3. Diện tích các khu đất Công ty hiện đang quản lý, sử dụng.....	26
4. Thực trạng về tài chính, công nợ.....	27
5. Thực trạng về lao động.....	29
III. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 03 NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA	32
1. Tình hình hoạt động kinh doanh	32
2. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	39
3. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	40
4. Các hợp đồng lớn	40
5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi cổ phần hóa.....	41
6. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh	43
PHẦN V: PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN, HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA.....	45
I. TÊN CÔNG TY CỔ PHẦN	45
II. VỐN ĐIỀU LỆ, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ MÔ HÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG.....	45
1. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ	45
2. Ngành nghề kinh doanh dự kiến	46
3. Phương án về tổ chức và quản lý điều hành Công ty	47
4. Chiến lược phát triển, kế hoạch đầu tư và phương án sản xuất kinh doanh.....	50

5. Cơ hội và thách thức	53
6. Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa.....	54
7. Biện pháp thực hiện.....	56
PHẦN VI: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	59
I. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN	59
1. Đối tượng mua cổ phần	59
1.1. <i>Cổ phần bán cho CBCNV</i>	59
1.2. <i>Cổ phần bán ưu đãi cho Tổ chức Công đoàn</i>	61
1.3. <i>Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược</i>	61
1.4. <i>Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài</i>	61
2. Loại cổ phần và phương thức phát hành	61
2.1. <i>Loại cổ phần</i>	61
2.2. <i>Phương thức phát hành</i>	61
II. KẾ HOẠCH ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH VÀ NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN.....	61
III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CỔ PHẦN HÓA	62
1. Chi phí cổ phần hóa.....	62
2. Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước và kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa.....	62
IV. PHÂN TÍCH CÁC RỦI RO DỰ KIẾN.....	63
1. Rủi ro về kinh tế.....	63
2. Rủi ro pháp lý.....	64
3. Rủi ro đặc thù	64
4. Rủi ro của đợt chào bán.....	65
5. Rủi ro khác	65
V. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	65
VI. CAM KẾT	66

PHẦN I: CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 31/03/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về Quy định phân công thực hiện quy trình chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 30/01/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013-2015;
- Quyết định số 5651/QĐ-UBND ngày 16/10/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước Công ty TNHH MTV Công trình cầu phà thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 2832/QĐ-UBND ngày 31/05/2013 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước TP.Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 04/QĐ-BCĐ ngày 07/06/2013 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà TP.Hồ Chí Minh về việc thành lập

Tổ giúp việc triển khai công tác cổ phần hóa tại doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 34/QĐ-BCĐ ngày 18/04/2014 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh về việc thay đổi Tổ trưởng Tổ giúp việc triển khai công tác cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 49/QĐ-BCĐ ngày 09/10/2014 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh về việc kiện toàn Tổ giúp việc triển khai công tác cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 2017/QĐ-UBND ngày 25/04/2015 về việc giao tài sản cố định cho Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp;
- Quyết định số 6033/QĐ-UBND ngày 17/11/2015 của Ủy ban nhân dân TP.HCM về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh.
- Quyết định số 6767/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban Nhân dân TP.HCM về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Công ty Đầu tư tài chính nhà nước thành phố thành công ty cổ phần.

**PHẦN II:
CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐẦU GIÁ
BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU**

I. ĐƠN VỊ THỰC HIỆN ĐẦU GIÁ BÁN CỔ PHẦN:

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Địa chỉ : 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại : (08) 3821 7713 Fax: (08) 3821 7452
- Website : www.hsx.vn

II. ĐƠN VỊ CHÀO BÁN:

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ TP HỒ CHÍ MINH

- Trụ sở chính : 132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, TP.HCM
- Điện thoại : (08) 38.533.490 – (08) 38.533.495
- Fax : (08) 38.533.496
- Website : www.caupha.com

III. ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

- Trụ sở chính : Tầng 2 và tầng 3 tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (08) 38 336 333 Fax: (08) 38 333 891
- Website : www.dag.vn

PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM

THUẬT NGỮ	KHÁI NIỆM
▪ Công ty	Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà TP Hồ Chí Minh
▪ BCTC	Báo cáo tài chính
▪ GCNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
▪ CBCNV	Cán bộ Công nhân viên
▪ BHXH	Bảo hiểm xã hội
▪ DT	Doanh thu
▪ GTDN	Giá trị doanh nghiệp
▪ HĐKD	Hoạt động kinh doanh
▪ KSV	Kiểm soát viên
▪ LN	Lợi nhuận
▪ LNTT	Lợi nhuận trước thuế
▪ LNST	Lợi nhuận sau thuế
▪ TSCĐ	Tài sản cố định
▪ QSDĐ	Quyền sử dụng đất
▪ XD CB	Xây dựng cơ bản
▪ UBND	Ủy ban nhân dân
▪ HĐLĐ	Hợp đồng lao động
▪ HĐQT	Hội đồng quản trị
▪ HĐTV	Hội đồng thành viên

PHẦN IV: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

I. TỔNG QUAN

1. Giới thiệu về Doanh nghiệp

- ❖ Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ TP HỒ CHÍ MINH**
- ❖ Tên tiếng Anh: **Ho Chi Minh City Ferry Bridge Construction Company Limited**
- ❖ Tên viết tắt: **HFBC CO., Ltd**
- ❖ Địa chỉ: 132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, TP.HCM
- ❖ Điện thoại: (08) 38.533.490 – (08) 38.533.495
- ❖ Fax: (08) 38.533.496
- ❖ Website: www.caupha.com
- ❖ Logo :



- ❖ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301986393 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/09/2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 16/04/2014.
- ❖ Vốn điều lệ: 44.713.000.000 đồng.
- ❖ Đại diện chủ sở hữu: Công ty Đầu Tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC).

2. Ngành nghề kinh doanh chính

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301986393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/09/2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 16/04/2014, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Hoạt động kinh doanh khác: thi công (đào, lấp đặt các công trình ngầm, công trình giao thông; mặt bằng bến bãi, xây dựng bờ kè; các công trình cấp thoát nước, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp).	4290

STT	Tên ngành	Mã ngành
2	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu, sửa chữa thường xuyên và đảm bảo an toàn hệ thống các công trình cầu phà của thành phố theo phân cấp quản lý. Quản lý các dự án đầu tư các công trình sửa chữa lớn cầu và phà được Ủy ban nhân dân thành phố giao theo chỉ tiêu kế hoạch. Quản lý, bảo dưỡng, chăm sóc công viên cây xanh. Duy tu bờ kè.	4220
3	Vận tải hành khách đường thủy nội địa Chi tiết: Hoạt động công ích: Quản lý và khai thác phục vụ hành khách, phương tiện xe cơ giới giao thông đường bộ qua lại tại các bến phà đò của thành phố. Hoạt động kinh doanh khác: Vận tải hàng hóa đường bộ; đường thủy nội địa. Vận tải hành khách bằng đường thủy nội địa. Cho thuê phương tiện thủy (xà lan, phà, phao nổi), cho thuê tàu thuyền có thủy thủ đoàn, cho thuê xe, xuồng có người lái để vận tải hành khách trên sông, hồ, kênh, rạch.	5021
4	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Hoạt động kinh doanh khác: Khảo sát địa hình xây dựng công trình. Thiết kế xây dựng công trình giao thông đường bộ. Tư vấn đất đai; Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ); Tư vấn xây dựng (quản lý dự án, đánh giá sự cố, lập phương án xử lý). Thẩm tra thiết kế. Thẩm tra dự toán các công trình xây dựng. Nạo vét sông, kênh, rạch. Thử tải, kiểm định cầu.	4390
5	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động kinh doanh khác: Sản xuất, lắp đặt các loại biển báo giao thông đường thủy và đường bộ; sơn đường; thả phao tiêu báo hiệu; Sản xuất, gia công, lắp đặt phao tiêu đường thủy (trừ gia công cơ khí, tái chế phế liệu, xi mạ điện tại trụ sở).	2599
6	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao Chi tiết: Hoạt động sản xuất kinh doanh khác: Sản xuất bê tông nhựa nóng, vật liệu xây dựng (Không sản xuất tại trụ sở).	2395
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Hoạt động kinh doanh khác: Dịch vụ giữ xe dưới dạp cầu trong hành lang pháp lý.	5221
8	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dụng hữu hình khác Chi tiết: Hoạt động kinh doanh khác: Cho thuê thiết bị thi công cơ giới và thiết bị xây dựng.	7730

STT	Tên ngành	Mã ngành
9	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng cấu kiện nổi (không hoạt động tại trụ sở).	3315
10	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống đánh lửa tự động, bảo dưỡng thông thường, sửa chữa thân xe, sửa chữa các bộ phận của ô tô, rửa xe, đánh bóng, phun và sơn, sửa tấm chắn và cửa sổ, sửa ghế, đệm và nội thất ô tô, sửa chữa, bơm vá xăm, lốp ô tô, lắp đặt hoặc thay thế, xử lý chống gỉ, lắp đặt, thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất (không hoạt động tại trụ sở).	4520
11	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy Chi tiết: Sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống đánh lửa tự động, bảo dưỡng thông thường, sửa chữa khung, cangk, yếm, yên đệm mô tô, xe máy; sửa chữa các bộ phận khác của mô tô, xe máy; rửa xe, đánh bóng, phun và sơn; sửa chữa, bơm vá xăm, lốp mô tô, xe máy, lắp đặt hoặc thay thế; xử lý chống gỉ, thay thế; xử lý chống gỉ, thay phụ và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất (không hoạt động tại trụ sở).	4542
12	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện ở tất cả các công trình nhà ở và dân dụng: dây dẫn và thiết bị điện, đường dây thông tin liên lạc, mạng máy tính và dây cáp truyền hình bao gồm cả cáp quang học, hệ thống chiếu sáng, chuông báo cháy, hệ thống báo động chống trộm, tín hiệu điện và đèn trên đường phố (trừ gia công cơ khí, tái chế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	4321
13	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác, kể cả mở rộng, thay đổi, bảo dưỡng và sửa chữa (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4322

3. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh là Công ty Quản lý công trình cầu phà thành phố được thành lập theo Quyết định số 7656/QĐ-UB-KT ngày 15/12/1999 của Chủ tịch UBND thành phố trên cơ sở tách chức năng quản lý, duy tu cầu và chức năng quản lý vận hành phà từ Công ty Quản lý Công trình Giao thông Sài Gòn (được thành lập theo Quyết định số 6590/QĐ-UB-KT ngày 19/11/1997 của Ủy ban nhân dân thành phố) - nay là Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn. Công ty

Quản lý công trình cầu phà thành phố là công ty công ích trực thuộc Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ quản lý và duy tu hệ thống cầu – phà trên địa bàn thành phố theo phân cấp quản lý và thực hiện một số hoạt động sản xuất kinh doanh khác trong hoạt động xây dựng công trình giao thông và chính thức hoạt động từ ngày 02/06/2000.

Công ty TNHH một thành viên Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 12/05/2010 của Chủ tịch UBND thành phố Hồ Chí Minh chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty Quản lý công trình cầu phà thành phố. Công ty chính thức hoạt động theo mô hình doanh nghiệp mới vào ngày 01/10/2010.

Năm 2012, Công ty trở thành doanh nghiệp thành viên của Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước thành phố theo phương án thí điểm chức năng đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước theo Quyết định số 4608/QĐ-UBND ngày 06/09/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thành tích và kinh nghiệm hoạt động của Công ty

Hoạt động của doanh nghiệp bao gồm cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích quản lý duy tu hệ thống cầu, quản lý vận hành bến phà Cát Lái, thi công các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp và các sản phẩm kinh doanh khác (cho thuê xe máy thiết bị, đầu tư kinh doanh bãi đậu xe dạp cầu...). Trong đó, các hoạt động công ích (quản lý duy tu cầu, quản lý vận hành phà) là nhiệm vụ quan trọng được Ủy ban nhân dân thành phố giao.

Năm	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Nộp ngân sách	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu	Tổng tài sản
Năm 2012	343.295	28.986	22.407	44.713	97.408	302.814
Năm 2013	402.777	25.692	22.446	44.713	115.415	342.275
Năm 2014	386.085	27.254	25.748	44.713	118.200	322.949

Nguồn: HFBC Co

Qua hơn 15 năm hoạt động và phát triển, với sự nỗ lực của Ban lãnh đạo và người lao động Công ty, hoạt động của doanh nghiệp có những bước phát triển không ngừng và đạt được nhiều thành tích:

- Bảo toàn và phát triển vốn doanh nghiệp. Công ty được UBND thành phố xếp hạng doanh nghiệp hạng I và nhiều năm liền đạt doanh nghiệp loại A (xếp hạng theo Quy chế giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước ban hành kèm Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 25/06/2013 của Chính phủ). Doanh thu, lợi nhuận, thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách năm sau cao hơn năm trước và đảm bảo các chỉ tiêu tăng trưởng doanh nghiệp.

- Từ các hoạt động sản xuất bằng thủ công là chủ yếu, đến nay Công ty đã từng bước cơ giới hóa, hiện đại hóa hoạt động sản xuất bằng nguồn vốn phát triển sản xuất của doanh nghiệp, đầu tư các máy móc thiết bị gồm: máy quét đường, thiết bị kiểm định cầu, máy cào bóc, máy rải bê tông mặt đường, kích thay gối cầu, sà lan, cần cẩu, búa đóng cọc, xe tải cầu, xe tải thùng, xe lu và một số thiết bị cơ bản thiết yếu khác, thử nghiệm sử dụng camera quan sát thay thế đội ngũ tuần tra viên. Hiện nay Công ty tiếp tục đầu tư thiết bị cơ giới bằng nguồn vốn doanh nghiệp để nâng cao năng lực thi công công trình phục vụ sản xuất và năng lực kỹ thuật tham gia đấu thầu các công trình lớn. Hệ thống quản lý chất lượng sản xuất cũng từng bước hiện đại hóa và đạt theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2000. Công ty đang cải tiến để đạt chuẩn của hệ thống tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001: 2008. Đội ngũ lao động được Công ty tổ chức sát hạch tay nghề, tổ chức đào tạo và đào tạo lại hàng năm để đảm bảo bố trí nhân sự phù hợp với yêu cầu sản xuất.
- Thu nhập người lao động ngày càng nâng cao. Các chế độ chính sách, quyền lợi hợp pháp của người lao động, quy chế dân chủ cơ sở được thực hiện nghiêm túc. Thường xuyên tổ chức đối thoại giữa người lao động và lãnh đạo Công ty để kịp thời thông tin về hoạt động sản xuất đến từng tổ, đội sản xuất và lắng nghe tâm tư nguyện vọng của người lao động. Qua đó, xây dựng và điều chỉnh các quy chế, quy định phù hợp hơn trong tổ chức và hoạt động sản xuất.

Một số công trình tiêu biểu Công ty đã thực hiện như sau:

- Công trình Xây dựng cầu Rạch Rộp, công trình Xây dựng cầu Mương Lớn, công trình Xây dựng cầu Dinh Ông thuộc dự án Khu công nghiệp Hiệp Phước Giai đoạn 1;
- Công trình Xây dựng cầu Công tác 1 thuộc dự án Nhà máy điện gió tỉnh Bạc Liêu – Giai đoạn II;
- Công trình nâng cấp mở rộng tỉnh lộ 10 (Gói thầu số 5 và gói thầu số 14);
- Công trình xây dựng đường song hành Quốc lộ 22 – Quận 12;
- Công trình Xây dựng cầu Đúc Nhỏ - Quận Thủ Đức;
- Công trình Xây dựng cầu Rạch Cát;
- Công trình Xây dựng cầu Trần Khánh Dư , Quận 1 – Quận Phú.

Về hoạt động sản xuất và dịch vụ: Công ty đã đa dạng hoá các sản phẩm trong ngành xây dựng như: Kiểm định thử tải cầu, cào bóc mặt đường, thi công cầu – đường, bờ kè, các công trình hạ tầng kỹ thuật (điện, viễn thông, thoát nước), hệ thống báo hiệu giao thông,...

Về hoạt động đầu tư dự án: Công ty đã được UBND TP. Hồ Chí Minh giao làm chủ đầu tư 31 dự án, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Khởi công/hoàn thành	Tổng mức đầu tư
1	Tháo dỡ thanh thải cầu Phú Xuân	Quận 7	2004	1.840
2	Tháo dỡ thanh thải cầu Thảo Cầm Viên	Quận 1	2003	759
3	Sửa chữa cầu Kiệu	Quận 1	2004	981
4	Xây dựng trụ chống va cầu Trường Phước	Quận 9	2004	1.807
5	Cải thiện độ dốc dọc đường vào cầu Tân Thuận	Quận 4 - Quận 7	2004	1.521
6	Trang thiết bị phục vụ công tác Kiểm định và bảo dưỡng thường xuyên công trình cầu phà	Quận 10	2004-2005	3.715
7	Đóng mới 01 phà máy 100 tấn thuộc bến phà Cát Lái	Bến phà Cát Lái	2006-2007	9.717
9	Di dời gia cố trụ chống va cầu Phú Xuân	Quận 7 - Huyện Nhà Bè	2004	715
10	Cải tạo bến phà Thủ Thiêm	Quận 1 - Quận 2	2003-2006	13.693
11	Sửa chữa cầu Thị Nghè	Quận 1 - Quận Bình Thạnh	2004-2005	1.307
12	Xây dựng hàng rào bảo vệ hành lang các cầu trên địa bàn huyện Nhà Bè	Huyện Nhà Bè	2005	250
15	Xây dựng trụ neo bến phà Cát Lái	Q2-TP.HCM và H.Nhơn Trạch-Đồng Nai	2004	1.147
16	Đầu tư trang bị xe máy phục vụ công tác duy tu bảo dưỡng cầu phà	Quận 10	2002	2.808
17	Kiểm định cầu năm 2004 (20 cầu)	Các cầu trên địa bàn TP.HCM	2004	996
18	Cải tạo và nâng cấp bến phà Cát Lái	Quận 2-P.HCM và huyện Nhơn Trạch-Đồng Nai	2002-2004	6.183
19	Cải tạo và nâng cấp bến phà Bình Khánh	Huyện Nhà bè và H.Cần Giờ	2002-2004	34.828
20	Xây dựng bờ kè bến phà Cát Lái	Quận 2	2006-2007	2.128

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Khởi công/hoàn thành	Tổng mức đầu tư
21	Xây dựng cầu Dừa	Tỉnh lộ 16-Q12	2003-2004	3.880
22	Xây dựng cầu Cái Trung	H. Bình Chánh	2001-2003	9.860
23	Xây dựng cầu Kênh C	Huyện Bình Chánh	2001-2002	12.530
24	Xây dựng cầu Chợ Cầu	Quận Gò Vấp và Quận 12	2002-2007	53.997
25	Xây dựng cầu Nông trường quận 5	Huyện Cần Giờ	2003-2005	11.820
26	Xây dựng cầu Long Giang Tây	Huyện Cần Giờ	2003-2007	29.560
27	Xây dựng cầu Rạch Đôn	Huyện Cần Giờ	2003-2007	29.620
28	Xây dựng cầu Hà Thanh	Huyện Cần Giờ	2003-2008	37.140
29	Xây dựng cầu Lôi Giang	Huyện Cần Giờ	2003-2009	40.799
30	Xây dựng cầu Rạch Lá	Huyện Cần Giờ	2003-2009	61.694
31	Xây dựng cầu Cống Dinh	Huyện Nhà Bè	2002-2007	16.604
	TỔNG SỐ			391.898

Nguồn: HFBC Co

Đầu tư bãi đậu xe dạp cầu bằng nguồn vốn doanh nghiệp để kinh doanh dịch vụ giữ xe, thu phí:

ĐVT: đồng

STT	Dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư	Ghi chú
1	Bãi đậu xe dạp cầu Ông Lãnh	Quận 1– Quận 4	884.052.909	Kinh doanh
2	Dạp cầu Chữ Y	Quận 5	815.397.618	Kinh doanh
3	Dạp cầu Chà Và	Quận 5 - Quận 8	985.490.410	Kinh doanh
4	Dạp cầu Calmette	Quận 1 - Quận 4	1.635.158.592	Kinh doanh
5	Dạp cầu Nguyễn Tri Phương	Quận 5	556.976.917	Kinh doanh
6	Dạp cầu Lò Gốm	Quận 6	2.132.005.348	Kinh doanh + sử dụng làm kho vật tư của công ty
7	Dạp cầu Chánh Hưng	Quận 8	453.657.643	Làm kho cho các đơn vị

8	Dạ cầu Tân Thới Hiệp	Quận 12	1.323.978.022	Đã hoàn trả cho Sở Giao thông vận tải
	Tổng cộng		8.786.717.459	

Nguồn: HFBC Co

Kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty luôn phấn đấu nâng cao năng lực quản lý và kiện toàn bộ máy tổ chức để đáp ứng cho sự phát triển của Công ty trước những thay đổi của thị trường.

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn tuân thủ đúng pháp luật, chủ trương chính sách nhà nước và hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các khoản chi phúc lợi, chăm lo đời sống và thực hiện đúng chính sách chế độ đối với người lao động, đào tạo được đội ngũ cán bộ có trình độ khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn, công nhân lành nghề đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh trong cơ chế thị trường.

 Các thành tích đạt được:

Stt	Thành tích	Cấp khen thưởng	Số Quyết định
I	Năm 2013		
1	Bằng khen đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 02 năm liên tục (2011, 2012) góp phần tích cực trong phong trào thi đua của Thành phố	UBND TP. Hồ Chí Minh	Quyết định số 1604/QĐUB ngày 02/04/2013
2	Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông năm 2012	Ban An toàn giao thông Tp. Hồ Chí Minh	Quyết định số 16/QĐ-BATGT ngày 22/01/2013
3	Danh hiệu tập thể lao động xuất sắc	UBND TP.HCM	Quyết định số 1063/QĐ-KT ngày 02/4/2013
4	Giấy khen đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, đóng góp tích cực trong công tác tổ chức, chăm lo Tết Quý Tỵ năm 2013 của ngành giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải	Quyết định số 578/QĐ-SGTVT ngày 26/02/2013
5	Đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, đóng góp tích cực trong công tác tổ chức, chăm lo Tết Quý Tỵ năm 2013 của ngành giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải	Quyết định số 907/QĐ-SGTVT ngày 27/3/2013
II	Năm 2012		
1	Huân chương lao động hạng ba	Chủ tịch nước	Quyết định số 1329/QĐ-CTN ngày 30/8/2012
2	Cờ thi đua xuất sắc	Bộ Giao thông vận tải	

Nguồn: HFBC Co

5. Cơ cấu tổ chức và quản lý

Công ty TNHH một thành viên Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh là công ty con của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh – TNHH MTV hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Công ty TNHH một thành viên Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, hoạt động độc lập theo Luật doanh nghiệp và các văn bản khác có liên quan do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Mô hình cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH Một thành viên Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh được áp dụng theo mô hình Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Giám đốc, các Phó Giám đốc và bộ máy giúp việc là các phòng ban chuyên môn và các đơn vị trực thuộc với chức năng, nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Hội đồng thành viên: Gồm 1 Chủ tịch và 02 Ủy viên
2. Kiểm soát viên
3. Ban Giám đốc công ty
4. Bộ máy giúp việc
 - a. Các phó Giám đốc công ty
 - b. Kế toán trưởng
 - c. 06 phòng, ban nghiệp vụ với nhiệm vụ và chức năng như sau:
 - **Phòng Hành chính Quản trị:** Là phòng chuyên môn nghiệp vụ giúp việc, tham mưu cho ban điều hành Công ty về hành chính quản trị doanh nghiệp, quản lý sử dụng con dấu của công ty. Thực hiện các thủ tục về pháp nhân doanh nghiệp: Đăng ký doanh nghiệp, bổ sung, thay đổi ngành nghề kinh doanh của công ty, các loại giấy phép...; Thực hiện thủ tục thành lập, sáp nhập, giải thể các phòng, ban, đơn vị, tổ, đội trực thuộc công ty theo nghị quyết của Hội đồng thành viên, Nghị quyết của cấp ủy Đảng; Thực hiện nghiệp vụ văn phòng gồm: văn thư, quản lý cơ sở vật chất, nhà cửa vật kiến trúc, thiết bị văn phòng thuộc tài sản doanh nghiệp; Quản lý, kiểm tra việc thực hiện nội quy lao động; Quản lý, bố trí xe công tác; Thực hiện công tác tiếp khách, tổ chức hội nghị, hội họp, chào cờ đầu tuần của công ty; Thực hiện nghiệp vụ thư ký, thông báo kết luận của ban điều hành, thông báo nội dung họp; Quản lý và bố trí lực lượng bảo vệ cơ quan, tài sản doanh nghiệp.
 - **Phòng Quản trị nguồn Nhân lực:** Là phòng chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tổ chức thực hiện và tham mưu cho Ban điều hành Công ty về công tác tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, tuyển dụng đào tạo, thực hiện các chế độ chính sách liên quan đến người lao động; Quản lý, đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực;

Công tác thi đua – khen thưởng và kỷ luật.

- **Phòng Kế toán tài vụ:** Tham mưu cho Giám đốc Công ty về quản lý tài chính và hạch toán kế toán; huy động vốn, quản lý và sử dụng vốn một cách hợp lý nhằm đảm bảo các mặt hoạt động sản xuất của Công ty đạt hiệu quả kinh tế cao; Thực hiện những công việc về nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán theo đúng quy định của Luật Kế toán, chuẩn mực kế toán, nguyên tắc kế toán: Ghi chép, tính toán, thể hiện đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian liên quan đến quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty, phản ánh bằng giá trị một cách chính xác, trung thực, kịp thời số hiện có, tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, nguồn vốn; Tính toán đúng đủ các chi phí sản xuất, giá thành công trình, xác định chính xác kết quả sản xuất kinh doanh, phân phối thu nhập một cách công bằng, hợp lý theo đúng chế độ Nhà nước, trích nộp các khoản cho ngân sách đầy đủ và kịp thời; Thực hiện việc thu chi thanh toán đúng chế độ, việc sử dụng vật tư, lao động đúng định mức, ký kết hợp đồng kinh tế đúng nguyên tắc và nghiêm chỉnh chấp hành các kỷ luật tài chính. Bảo toàn và phát triển vốn của nhà nước, ngăn chặn kịp thời các hiện tượng tham ô lãng phí, cũng như các hành vi vi phạm chế độ tài chính do Nhà nước quy định. Cung cấp các số liệu, tài liệu cho việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm tra phân tích hoạt động kinh tế tài chính, phục vụ công tác lập và theo dõi kế hoạch tài chính, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Cung cấp số liệu, báo cáo tài chính cho các cơ quan hữu quan theo chế độ báo cáo tài chính kế toán hiện hành. Lập các báo cáo nội bộ theo yêu cầu của giám đốc công ty.
- **Phòng Kế hoạch - Vật tư:** Là phòng nghiệp vụ giúp việc ban điều hành kế hoạch về hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý dự án thuộc phạm vi trách nhiệm được giao giúp giám đốc công ty trong việc điều hành hoạt động sản xuất: Dự thảo và tham mưu Ban điều hành công ty ban hành các quy định, quy trình, quy chế nội bộ để quản lý mọi hoạt động sản xuất của công ty; Tham mưu, đề xuất giám đốc công ty: giao khối lượng, dự toán cho các đơn vị trực thuộc thực hiện, về ký kết các hợp đồng sản xuất kinh doanh với tư cách nhà thầu, các hợp đồng mua sắm vật tư thuộc phạm vi trách nhiệm được giao, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, trung hạn, ngắn hạn và hàng năm theo điều lệ công ty; Xây dựng và hoạch định, tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty sau khi được hội đồng thành viên phê duyệt; Thực hiện kế hoạch đầu tư và thực hiện các thủ tục quản lý dự án đầu tư xây dựng các bãi đậu xe đạp cầu; Đề xuất chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của công ty: Kế hoạch đầu tư, nâng cao năng lực, cải tiến quy trình sản xuất, nghiên cứu mở rộng thị trường; Lập và kiểm soát hồ sơ dự toán, quyết toán nội bộ: thi công công trình kinh doanh, sửa chữa nội bộ, quản lý khai thác bãi đậu xe đạp cầu, sửa chữa hạ tầng kỹ thuật các bến phà thuộc phạm vi trách nhiệm; Quản

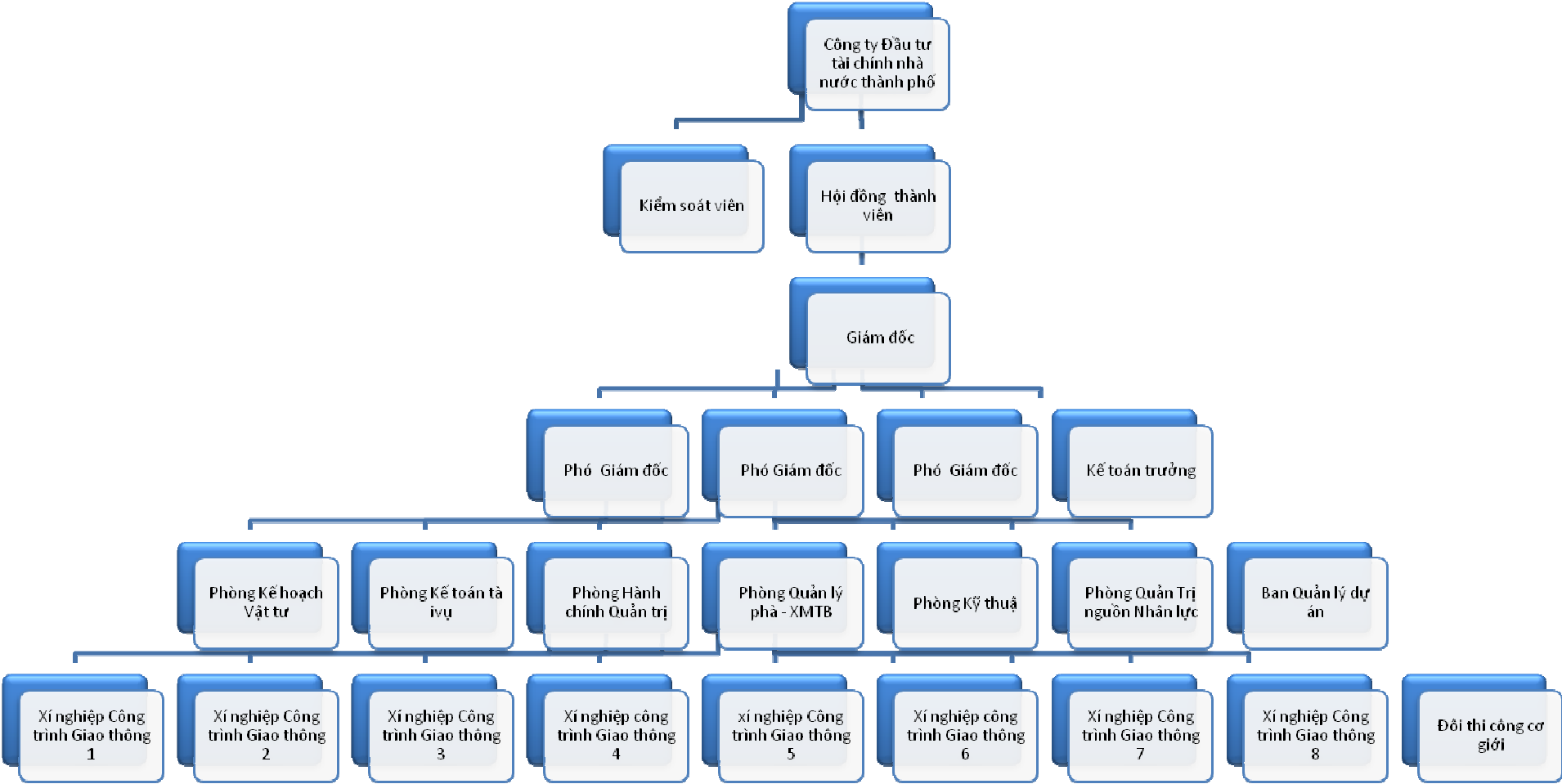
lý cấp phát và cung ứng vật tư phục vụ sản xuất, quản lý kho vật tư theo quy định của pháp luật và của công ty; Tổng hợp báo cáo, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, quản lý dự án và các hoạt động thuộc chức năng nhiệm vụ định kỳ cho giám đốc công ty; Chủ trì thực hiện công tác báo cáo của công ty đối với chủ sở hữu (*Trừ báo cáo tài chính*) và các cơ quan, ban ngành quản lý cấp trên theo biểu mẫu quy định.

- **Phòng Quản lý phà - Xe máy thiết bị:** Là phòng nghiệp vụ có chức năng tham mưu cho Giám đốc Công ty về các lĩnh vực: Quản lý hoạt động khai thác vận hành phà tại các bến phà; Quản lý hoạt động khai thác vận hành các loại phương tiện xe máy thiết bị giao các đơn vị trực thuộc Công ty sử dụng phục vụ công tác sản xuất kinh doanh của công ty; Quản lý các dự án duy tu sửa chữa phương tiện phà, đầu tư đóng mới phương tiện thủy, mua sắm máy móc trang thiết, nâng cấp mở rộng, xây dựng bến phà mới bằng nguồn vốn ngân sách hoặc vốn tự huy động của Công ty.
- **Phòng Kỹ Thuật:** Phòng kỹ thuật là phòng chuyên môn nghiệp vụ có chức năng quản lý chất lượng công trình; dự báo nguy cơ và đề xuất các biện pháp kỹ thuật để xử lý và ngăn ngừa các sự cố đối với các công trình do công ty ký hợp đồng một số công trình giao cho đơn vị; Thực hiện công tác quản lý chất lượng trong quá trình thi công công trình trong phạm vi trách nhiệm của nhà thầu; Cập nhật, quản lý: hồ sơ kỹ thuật các công trình cầu; Đề ra các giải pháp kỹ thuật hữu hiệu trong công tác (duy tu, sửa chữa sản phẩm dịch vụ công ích) đảm bảo khối lượng, chất lượng, mỹ quan; Thực hiện công tác khảo sát, thiết kế công trình giao thông, công tác tư vấn đấu thầu, tư vấn giám sát theo hợp đồng kinh tế với khách hàng, đảm bảo thực hiện đúng theo hợp đồng đã ký kết về kỹ thuật, tiến độ, chất lượng công trình”.
- **Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình:** Thực hiện công tác quản lý dự án đầu tư do công ty làm chủ đầu tư: Lập kế hoạch vốn đầu tư xây dựng hàng năm để trình cấp trên theo đúng thời gian quy định; Tham mưu cho Giám đốc Công ty lựa chọn và ký kết hợp đồng các nhà thầu tư vấn đủ năng lực và kinh nghiệm để thực hiện các dự án; Nắm bắt kịp thời tình hình, sự cố và trở ngại xảy ra tại các công trường, chủ động đề xuất biện pháp giải quyết nhanh nhất, đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động tại các công trường; Thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, di dời các công trình hạ tầng kỹ thuật trong dự án theo đúng trình tự và đúng quy định hiện hành; Báo cáo tình hình thực hiện các công việc theo định kỳ hoặc khi có yêu cầu của các đơn vị quản lý cấp trên; Quản lý các hồ sơ pháp lý của các dự án.

d. 09 xí nghiệp trực thuộc:

- **Xí nghiệp phà Cát Lái:** Tổ chức và quản lý khai thác các phương tiện phà và công trình bến bãi để phục vụ hành khách, phương tiện cơ giới giao thông đường bộ qua lại xí nghiệp phà Cát Lái – Thủ Thiêm.
- Sau khi cổ phần hóa doanh nghiệp, Công ty sẽ bàn giao toàn bộ nhân sự tài sản, hoạt động của bến cho Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích Thanh niên xung phong theo Quyết định số 4214/QĐ-UBND ngày 26/08/2015 của Ủy Ban nhân dân thành phố.
- **08 Xí nghiệp công trình giao thông:** Là các đơn vị trực tiếp sản xuất, hạch toán phụ thuộc, báo sổ trực thuộc Công ty. Các đơn vị này có chức năng tổ chức thực hiện các công trình, công việc do công ty giao bằng văn bản, đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.
- **Đội thi công cơ giới:** Là đơn vị trực tiếp sản xuất kinh doanh, hạch toán phụ thuộc báo sổ của công ty. Chức năng chính của đội là đảm nhận thực hiện một phần hoặc toàn bộ các hạng mục thi công cơ giới trong sản phẩm dịch vụ công ích và các gói thầu thi công công trình phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; Thực hiện dịch vụ kinh doanh: Cho thuê xe máy, thiết bị thi công, vận chuyển thiết bị - hàng hóa theo hợp đồng của khách hàng.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Nguồn: Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà TP Hồ Chí Minh

6. Danh sách những công ty mẹ, công ty con và công ty liên doanh liên kết▪ **Công ty mẹ:**

Công ty Đầu Tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC)

Địa chỉ: 67-73 Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

▪ **Công ty liên doanh, liên kết:**

Không có

II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP**1. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa**

Căn cứ Quyết định số 6033/QĐ-UBND ngày 17/11/2015 của Ủy ban Nhân dân TP.HCM về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà Tp.Hồ Chí Minh:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 của Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh là **307.413.689.865 đồng**.
- Trong đó, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh là: **90.984.072.363 đồng**.

Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Công Cầu phà Tp.Hồ Chí Minh tại thời điểm thể hiện chi tiết ở bảng sau:

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU SỔ SÁCH KẾ TOÁN	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4
A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)	282.184.879.063	307.413.689.865	25.228.810.802
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	50.522.536.021	59.758.887.154	9.236.351.133
1. Tài sản cố định	47.562.814.947	55.513.084.642	7.950.269.695
<i>a. TSCĐ hữu hình</i>	<i>47.525.734.383</i>	<i>55.476.004.078</i>	<i>7.950.269.695</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	7.280.348.527	7.729.951.940	449.603.413
Phương tiện vận tải	38.207.713.482	44.310.606.134	6.102.892.652
Máy móc thiết bị	1.900.544.493	3.122.829.018	1.222.284.525
Thiết bị quản lý	137.127.881	312.616.986	175.489.105
<i>b. TSCĐ vô hình</i>	<i>37.080.564</i>	<i>37.080.564</i>	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU SỔ SÁCH KẾ TOÁN	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	513.730.000	513.730.000	-
4. Bất động sản đầu tư	-	-	-
5. Tài sản dài hạn khác	2.445.991.074	3.732.072.512	1.286.081.438
6. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	231.662.343.042	231.977.371.294	315.028.252
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	61.902.619.322	61.902.619.347	25
<i>a. Tiền mặt tồn quỹ</i>	<i>12.742.975</i>	<i>12.743.000</i>	<i>25</i>
<i>b. Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>25.589.876.347</i>	<i>25.589.876.347</i>	-
<i>c. Các khoản tương đương tiền</i>	<i>36.300.000.000</i>	<i>36.300.000.000</i>	-
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3. Các khoản phải thu	117.697.505.430	117.773.847.895	76.342.465
4. Vật tư hàng hóa tồn kho	3.090.933.266	3.329.619.028	238.685.762
5. Tài sản lưu động khác	48.971.285.024	48.971.285.024	-
6. Chi phí sự nghiệp	-	-	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	-	15.677.431.417	15.677.431.417
1. Giá trị lợi thế kinh doanh theo tỷ suất lợi nhuận	-	15.316.467.429	15.316.467.429
2. Giá trị thương hiệu	-	360.963.988	360.963.988
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B. TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG	40.241.561.169	40.241.561.169	-
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	40.241.561.169	40.241.561.169	-
1. Tài sản cố định	40.241.561.169	40.241.561.169	-
Trong đó: TS đầu tư bằng Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-
2. Bất động sản đầu tư	-	-	-
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU SỔ SÁCH KẾ TOÁN	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4
5. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-	-
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	-	-	-
1. Công nợ không có khả năng thu hồi	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất	-	-	-
C. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	522.588.711	522.588.711	-
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	-	-	-
1. Tài sản cố định	-	-	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	522.588.711	522.588.711	-
D. TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ PHÚC LỢI, KHEN THƯỞNG (không sử dụng cho sản xuất kinh doanh)	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D)	322.949.028.943	348.177.839.745	25.228.810.802
Trong đó:			-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (A)	282.184.879.063	307.413.689.865	25.228.810.802
E1. Nợ thực tế phải trả	204.748.537.011	221.629.897.722	16.881.360.711
Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	-	-	-
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	(5.200.280.220)	(5.200.280.220)	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A – (E1+E2)]	82.636.622.272	90.984.072.363	8.347.450.091

Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN HFBC Co tại thời điểm 31/12/2014 và Quyết định số 6033/QĐ-UBND của UBND TP.HCM ngày 17/11/2015

Tỷ lệ đối chiếu công nợ phải thu: đã thực hiện đối chiếu 105.091.520.249 đồng chiếm tỷ lệ 89,23%; nợ phải thu chưa đối chiếu là 12.682.327.646 đồng, chiếm tỷ lệ 10,77%.

Tỷ lệ đối chiếu công nợ phải trả: đã thực hiện đối chiếu 220.909.452.762 đồng chiếm tỷ lệ 99,67%; nợ phải thu chưa đối chiếu là 720.444.960 đồng, chiếm tỷ lệ 0,33%.

Giá trị tài sản không cần dùng không đưa vào giá trị doanh nghiệp tại 31/12/2014 gồm:

- Nhà cửa, vật kiến trúc tại mặt bằng số 132 Đào Duy Từ, P.6, Q.10 (khu 2) bàn giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố: Nguyên giá 88.652.660 đồng, giá trị còn lại: 1.259.803 đồng
- Nhà cửa, vật kiến trúc và toàn bộ bến phà Cát Lái tại tỉnh lộ 25B, P.Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2 bàn giao cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Thanh niên Xung phong: Nguyên giá 77.874.465.267 đồng, giá trị còn lại 40.240.301.366 đồng.

Giá trị tài sản chờ thanh lý không đưa vào giá trị doanh nghiệp tại 31/12/2014 gồm:

- Hàng tồn kho lạc hậu, kém phẩm chất chờ thanh lý: 522.588.711 đồng
- Phương tiện vận tải hỏng hóc, lạc hậu chờ thanh lý: Nguyên giá là 2.895.508.013 đồng, giá trị còn lại là 0 đồng
- Máy móc thiết bị chờ thanh lý: Nguyên giá là 37.142.857 đồng, giá trị còn lại là 0 đồng
- Thiết bị, công cụ quản lý chờ thanh lý: Nguyên giá là 69.423.000 đồng, giá trị còn lại là 0 đồng.

Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà TP.HCM có trách nhiệm bàn giao tài sản không cần dùng về cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố và Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Thanh niên Xung phong, bàn giao tài sản chờ thanh lý về Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM; tiếp tục đối chiếu, theo dõi, xử lý dứt điểm các khoản phải thu, phải trả, hoàn tất việc đối chiếu công nợ trước thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu; khẩn trương thực hiện các thủ tục, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán các dự án thuộc nguồn kinh phí sự nghiệp do công ty thực hiện trước khi chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

2. Tài sản cố định của doanh nghiệp

Tình hình tài sản cố định của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2014) thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

Đơn vị tính: Đồng

Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
I. Tài sản cần dùng	72.396.124.201	24.319.579.254	48.076.544.947
1.1 Tài sản cố định hữu hình	71.795.294.201	24.269.559.818	47.525.734.383

Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	10.068.516.029	2.788.167.502	7.280.348.527
<i>Phương tiện vận tải</i>	55.916.999.109	17.709.285.627	38.207.713.482
<i>Máy móc thiết bị</i>	5.058.479.063	3.157.934.570	1.900.544.493
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	751.300.000	614.172.119	137.127.881
1.2 Tài sản cố định vô hình	87.100.000	50.019.436	37.080.564
1.3 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	513.730.000	0	513.730.000
II. Tài sản không cần dùng	77.963.117.927	37.721.556.758	40.241.561.169
1.1 Tài sản cố định hữu hình	77.963.117.927	37.721.556.758	40.241.561.169
<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	4.817.929.169	1.838.059.593	2.979.869.576
<i>Máy móc thiết bị</i>	72.341.336.077	35.448.701.734	36.892.634.343
<i>Phương tiện vận tải</i>	493.328.181	287.655.985	205.672.196
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	310.524.500	147.139.446	163.385.054
1.2 Tài sản cố định vô hình	-	-	-
III. Tài sản chờ thanh lý	3.002.073.870	3.002.073.870	-
1.1 Tài sản cố định hữu hình	3.002.073.870	3.002.073.870	-
<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	-	-	-
<i>Phương tiện vận tải</i>	2.895.508.013	2.895.508.013	-
<i>Máy móc thiết bị</i>	37.142.857	37.142.857	-
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	69.423.000	69.423.000	-
1.2 Tài sản cố định vô hình	-	-	-
TỔNG CỘNG	153.274.215.998	65.043.209.882	88.281.025.552

Nguồn: Biên bản kiểm tra báo cáo tài chính năm 2014 của HFBC Co, Hồ sơ XDGTĐN

❖ **Các tài sản cố định cần dùng của Công ty gồm:**

- **Nhà cửa, vật kiến trúc:** là phần tài sản Công ty hiện đang quản lý sử dụng tại các địa chỉ sau:
 - Kho 451/10 Tô Hiến Thành, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh
 - Dàn cầu Bailey dự phòng
 - Dà cầu Lò Gốm
 - Dà cầu Chánh Hưng
 - Dà cầu Ông Lãnh

- Dà cầu Chữ Y
- Dà cầu Chà Và
- Dà cầu Calmette
- Dà cầu Nguyễn Tri Phương
- Bồn chứa nguyên liệu.

▪ **Máy móc thiết bị:** Máy móc, thiết bị của HFBC hầu hết là các máy móc phục vụ công tác thi công, kiểm tra, sửa chữa công trình cầu phà như: Búa điện, máy khoan, máy siêu âm bê tông, máy đo rung đo biến dạng để kiểm tra cầu, máy toàn đạc, thiết bị lặn có gắn camera, máy định vị... Ngoài các loại máy phát điện, các máy móc thiết bị khác mang tính đặc thù cao, chế tạo theo đơn đặt hàng riêng hoặc nhập khẩu nguyên kiện.

▪ **Phương tiện vận tải:** Phương tiện vận tải của HFBC tại thời điểm 31/12/2014 là các ô tô phục vụ cho công tác đi lại của cán bộ công nhân viên và các phương tiện phục vụ hoạt động kinh doanh, thi công công trình sử dụng tại các Xí nghiệp bao gồm xe tải, xe lu, xe kiểm tra cầu, phà, xuồng,...

▪ **Thiết bị, dụng cụ quản lý:** là các thiết bị, dụng cụ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bao gồm: Máy lạnh, máy photocopy, máy tính.v.v

❖ **Tài sản cố định không cần dùng:**

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, tài sản cố định không cần dùng của Công ty gồm các tài sản cố định thuộc Bến phà Cát Lái và nhà cửa, vật kiến trúc tại mặt bằng 132 Đào Duy Từ, P.6, Q.10 bàn giao về cho Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích thanh niên xung phong và Trung tâm Phát triển Quỹ đất Thành phố.

❖ **Tài sản cố định chờ thanh lý:**

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, tài sản cố định chờ thanh lý của Công ty gồm phương tiện vận tải, máy móc thiết bị và thiết bị công cụ dụng cụ đã lạc hậu, hỏng hóc cần thanh lý. Các tài sản này sẽ được bàn giao chủ sở hữu theo điều 4, Quyết định số 6033/QĐ-UBND ngày 17/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Diện tích các khu đất Công ty hiện đang quản lý, sử dụng

Căn cứ Quyết định số 2017/QĐ-UBND ngày 25/04/2015 về việc giao tài sản cố định cho Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp, hiện trạng đất đai của Công ty đang sử dụng và quản lý như sau:

TT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Quyền sử dụng đất	Hình thức sử dụng đất	Thời hạn sử dụng	Mục đích sử dụng	Giá trị QSDĐ tính vào giá trị doanh nghiệp (đồng)
1	451/10 Tô Hiến Thành, phường 14, Quận 10	1.235	BK 481379 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường cấp ngày 29/8/2012	Đất thuê trả tiền hàng năm	50 năm	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh (làm văn phòng)	0

4. Thực trạng về tài chính, công nợ

Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

❖ **Vốn chủ sở hữu:** **118.200.491.932 đồng**

Trong đó:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 44.713.000.000 đồng
- Vốn khác của Chủ sở hữu: 61.805.572.317 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển: 16.881.360.711 đồng
- Quỹ dự phòng tài chính: 0 đồng
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 839.124 đồng
- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản: 0 đồng
- Nguồn kinh phí sự nghiệp (5.200.280.220) đồng

❖ **Số dư Quỹ khen thưởng, phúc lợi:** **41.050.754.507 đồng**

❖ **Số dư Quỹ khen thưởng ban điều hành:** **654.595.626 đồng**

❖ **Các khoản phải thu:** **117.697.505.430 đồng**

- Phải thu ngắn hạn: 117.697.505.430 đồng
- Phải thu dài hạn: 0 đồng

❖ **Nợ phải trả:** **204.748.537.011 đồng**

- Nợ ngắn hạn: 204.748.537.011 đồng
- Nợ dài hạn: 0 đồng

4.2 Về khoản phải thu chưa đối chiếu được đến thời điểm 31/12/2014

Tổng giá trị các phải thu ngắn hạn có đủ hồ sơ, chứng từ theo sổ sách kế toán chưa đối chiếu, xác nhận có giá trị là 12.682.327.646 đồng, chiếm tỷ lệ 10,77% trên tổng giá trị công nợ phải thu, gồm:

a. Đối với khoản công nợ phải thu khách hàng:

Tổng công nợ phải thu khách hàng chưa đối chiếu được là 11.928.725.571 đồng là các khoản công nợ của các chủ đầu tư gồm: các Khu Quản lý Giao thông Đô thị, công Ty Đầu Tư Xây Dựng Cấp Thoát Nước, Chi Nhánh Công Ty Xây Dựng Cấp Thoát Nước, Công ty TNHH Đăng Hưng. Đối với khoản nợ phải thu của các Khu Quản lý Giao thông Đô thị là kinh phí thi công các công trình thuộc nguồn vốn ngân sách chưa được thẩm tra phê duyệt quyết toán nên các Khu Quản lý Giao thông Đô thị chưa đối chiếu do chưa có số liệu chính thức.

b. Đối với khoản công nợ trả trước cho người bán:

Gồm các khoản ứng trước cho nhà thầu các dự án do công ty làm chủ đầu tư. Tổng số công nợ không đối chiếu là 496.223.011 đồng thuộc các dự án chưa được Sở Tài chính thẩm tra phê duyệt quyết toán nên công ty chưa thống nhất số liệu chính thức với các nhà thầu. Trong năm 2015 khi các dự án được duyệt gồm: Dự án Xây Dựng cầu Cống Dinh, cầu Rạch Lá, cầu Hà Thanh, cầu Lôi Giang được Sở tài chính phê duyệt quyết toán công ty sẽ thực hiện tất toán và đối chiếu số liệu chính thức với nhà thầu.

Đối với dự án sửa chữa lớn phương tiện phà năm 2010 có một công trình do Công ty CP SC tàu biển và giàn khoan Biển Xanh thực hiện, đến năm 2014 được Sở Giao thông Vận tải TPHCM duyệt quyết toán. Giá trị phải thu hồi nhà thầu là 24.444.000 đồng, công ty đã gửi biên bản đối chiếu nhiều lần nhưng nhà thầu không hợp tác đối chiếu.

c. Đối với khoản phải thu khác:

Các khoản nợ phải thu khác không có đối chiếu là các khoản nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng các công trình thi công cho các chủ đầu tư: Ban quản lý dự án - Viễn thông Thành Phố Hồ Chí Minh: 4.400.000đồng; Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH Một Thành Viên: 142.038.840 đồng; UBND quận 3: 20.000.000đồng. Công ty đã gửi biên bản đối chiếu nhiều lần nhưng chủ đầu tư chưa thực hiện đối chiếu.

Ngoài ra khoản nợ phải thu khác là 90.940.224 đồng là khoản phải thu về chi phí đo vẽ thẩm định khu đất 132 Đào Duy Từ để hợp khối bán đấu giá. Công ty đã tập hợp hồ sơ chuyển về Trung Tâm Phát triển Quỹ đất theo quy định.

4.3 Về các khoản phải trả chưa đối chiếu được đến thời điểm 31/12/2014

Các khoản công nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 chưa đối chiếu, xác nhận có giá trị là 720.444.960 đồng, chiếm tỷ lệ 0,33 % trên tổng giá trị công nợ thực phải trả, cụ thể như sau:

a. Đối với khoản công nợ phải trả người bán:

Các khoản nợ phải trả người bán chưa đối chiếu là 405.761.567 đồng, bao gồm chi phí xây lắp, chi phí kiến thiết cơ bản khác thuộc các dự án do công ty làm chủ đầu tư chưa được phê duyệt là 370.866.062 đồng và chi phí bảo hành các công trình sửa chữa nội bộ

phải trả nhà thầu là 34.895.505 đồng. Công ty sẽ thực hiện tất toán công nợ và đối chiếu số liệu chính thức với nhà thầu Khi dự án được duyệt trong năm 2015.

b. Đối với khoản nợ người mua trả tiền trước:

Các khoản nợ người mua trả tiền trước chưa đối chiếu: 105.661.932 đồng là số tiền các Khu QLGT Đô thị ứng trước để thi công công trình. Công ty sẽ thực hiện quyết toán và đối chiếu công nợ khi công trình được phê duyệt trong năm 2015.

c. Đối với khoản nợ phải trả khác:

Các khoản nợ phải trả khác chưa đối chiếu: 209.021.461 đồng gồm các khoản thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Công ty CP Quảng cáo truyền thông Thiên Hy Long, Công ty TNHH TV XD TM Đại Phú Thành là 65.893.000 đồng và các khoản phải trả do đơn vị khác chuyển nhằm tài khoản (3.571.341 đồng), tiền bán hồ sơ thầu nộp ngân sách (18.000.000 đồng), điều chỉnh thuế vãng lai nộp ngoài cục thuế TPHCM (121.557.120 đồng). Công ty thực hiện thanh toán cho các khách hàng và điều chỉnh sổ sách trong năm 2015.

4.4 Về số dư các quỹ khen thưởng và phúc lợi:

Công ty cam kết thực hiện theo đúng quy định tại khoản 3 điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP, ngày 18/7/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và khoản 3 điều 4 Thông tư 33/2012/TT-BLĐTBXH, ngày 20/12/2012 của Bộ lao động thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, ngày 18/7/2011.

5. Thực trạng về lao động

Tại thời điểm ngày 17/11/2015 (thời điểm UBND TP. Hồ Chí Minh ban hành Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà TP.HCM), tổng số cán bộ công nhân viên có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty TNHH một thành viên Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh là 558 người, trong đó cơ cấu như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Phân theo trình độ lao động	558	100
- Trên đại học	09	1,61
- Trình độ đại học	135	24,19
- Trình độ cao đẳng, trung cấp	67	12,00
- Trình độ khác	347	62,20
Phân theo loại hợp đồng lao động	558	100
- Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	07	1,25
- Hợp đồng không thời hạn	398	71,32

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
- Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	151	27,06
- Hợp đồng dưới 12 tháng	02	0,37
Phân theo giới tính	558	100
- Nam	483	86,55
- Nữ	75	13,45

Nguồn: HFBC Co

Nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang loại hình công ty cổ phần; dựa trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của doanh nghiệp, nhu cầu lao động dự kiến của Công ty giai đoạn sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động, Công ty dự kiến sẽ tiến hành phương án sắp xếp lại lao động như sau:

STT	Nội dung		Tổng số
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa		558
1	Tổng số lao động	người	558
2	Loại hợp đồng lao động		
	- Không thuộc diện ký hợp đồng lao động	người	07
	- Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	người	398
	- Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng	người	151
	- Hợp đồng lao động thời hạn dưới 12 tháng	người	02
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách công ty		0
4	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		
	- Trên Đại học	người	09
	- Đại học	người	135
	- Cao đẳng, trung cấp	người	67
	- Công nhân kỹ thuật công trình cầu	người	182
	- Công nhân kỹ thuật phà	người	84
	- Nhân viên các loại	người	81
II	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa		73
1	Lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành	người	0
2	Lao động chấm dứt HĐLĐ do hết hạn HĐLĐ	người	0
3	Lao động chờ nghỉ việc theo Quyết định của Giám đốc	người	0

STT	Nội dung		Tổng số
4	Lao động không bố trí được việc làm ở công ty cổ phần tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	người	73
III	Lao động chuyển sang công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP theo quyết định số 4214/QĐ-UBND, ngày 26/8/2015.	người	133
III	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần		
1	Tổng số lao động	người	352
2	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	người	07
3	Lao động đang thực hiện HĐLĐ	người	345
4	Lao động đang nghỉ hưởng các chế độ BHXH	người	0
5	Lao động đang tạm hoãn thực hiện HĐLĐ	người	0
6	Phân loại theo trình độ lao động		
	- Trên Đại học	người	06
	- Đại học	người	126
	- Cao đẳng, trung cấp	người	51
	- Các trình độ khác (tốt nghiệp phổ thông)	người	169

Ghi chú: Khoản 1 mục III không bao gồm khoản 2, 3 mục III

Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Tổng cộng	352	
Phân theo trình độ lao động	352	100
- Trên đại học	06	1,7
- Trình độ đại học	126	35,79
- Trình độ cao đẳng, trung cấp	51	14,48
- Trình độ khác (tốt nghiệp phổ thông)	169	48,03
Phân theo loại hợp đồng lao động	352	100
- Hợp đồng không thời hạn	230	65,34
- Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	115	32,68
- Lao động không thuộc diện ký HĐ	07	1,98
Phân theo giới tính		100
- Nam	302	86
- Nữ	50	14

III. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 03 NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

1. Tình hình hoạt động kinh doanh

1.1 Sản lượng sản phẩm/ giá trị dịch vụ qua các năm

a. Công tác quản lý duy tu cầu:

STT	Sản lượng	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Số lượng cầu-hầm nhận đặt hàng quản lý, bảo dưỡng (công trình)	400	422	435
2	Tổng chiều dài cầu-hầm nhận đặt hàng (mét)	40.209	51.344	51.643
3	Tổng chiều dài đường vào cầu-hầm nhận đặt hàng (mét)	58.471	72.831	71.646
4	Tổng chiều dài đường dân sinh nhận đặt hàng (mét)	36.454	40.83	41.707
5	Tổng chiều dài tiểu đảo, dải phân cách nhận đặt hàng (mét)	34.536	42.714	43.248

Nguồn: HFBC Co

b. Hành khách và phương tiện qua phà:

STT	Sản lượng	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Tổng lượt hành khách qua phà (lượt khách)	17.111.085	19.026.434	17.286.535
2	Tổng doanh thu (đồng)	61.800.287.000	69.800.951.000	53.454.473.000

Nguồn: HFBC Co

c. Sản phẩm kinh doanh ngoài công ích:

STT	Sản lượng	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Thi công công trình			
1.1	Tổng số hợp đồng	107	106	68
1.2	Doanh thu (Triệu đồng)	75.339	167.968	181.219
2	Kiểm định cầu			
2.1	Tổng số công trình	0	08	03
2.2	Doanh thu (Triệu đồng)	2.615	1.848	544
3	Doanh thu từ cho thuê xe máy (Triệu đồng)	1.620	3.145	5.053

Nguồn: HFBC Co

d. Cơ cấu tổng doanh thu¹ theo hoạt động 03 năm trước cổ phần hóa:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Sản phẩm dịch vụ công ích	190.105	55,38%	140.443	34,87%	135.732	35,16%
1.1	Cầu	183.734		136.848		132.198	
1.2	Đường sông	6.371		3.595		3.534	
2	Hoạt động công ích (phà và bến thủy nội địa)	62.078	18,08%	70.388	17,48%	53.454	13,85%
3	Kinh doanh	80.580	23,47%	176.759	43,89%	190.691	49,39%
3.1	Thi công công trình	75.339		167.968		181.219	
3.2	Kiểm định cầu	2.615		1.848		544	
3.3	Cho thuê xe máy	1.620		3.145		5.053	
3.4	Khai thác dọ cầu	1.006		3.798		3.875	
4	Doanh thu khác	10.532	3,14%	15.187	3,76%	6.208	1,60%
4.1	Tài chính	8.377		5.411		3.417	
4.2	Khác	2.155		9.776		2.791	
	Cộng	343.295	100,0%	402.777	100,0%	386.085	100,0%

Nguồn: HFBC Co

e. Cơ cấu lợi nhuận trước thuế theo hoạt động 03 năm trước cổ phần hóa:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Sản phẩm dịch vụ công ích	13.535	47%	635	2%	11.690	43%
1.1	Cầu	13.174		431		11.490	
1.2	Đường sông	361		204		200	
02	Hoạt động công ích (Phà)	525	2%	722	2%	(174)	-1%
03	Kinh doanh	4.436	15%	9.894	39%	10.460	38%
3.1	Thi công công trình	4.139		9.209		9.675	

¹ Cơ cấu tổng doanh thu và cơ cấu lợi nhuận 3 năm trước cổ phần hóa: Công ty căn cứ theo số liệu của Biên bản kiểm tra Báo cáo tài chính của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước và Chi cục Tài chính doanh nghiệp năm 2012; năm 2013 sau kiểm toán nhà nước và năm 2014 sau kiểm toán độc lập

STT	Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
3.2	Kiểm định cầu	195		125		37	
3.3	Cho thuê xe máy	26		284		467	
3.4	Khai thác dọ cầu	76		276		281	
04	Hoạt động tài chính và hoạt động khác	10.490	36%	14.441	57%	5.278	20%
4.1	Tài chính	8.377		5.411		3.313	
4.2	Khác	2.113		9.030		1.965	
	CỘNG	28.986	100%	25.692	100%	27.254	100%

Nguồn: HFBC Co

Trong các năm trước khi cổ phần hóa, hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty TNHH một thành viên Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích, hoạt động công ích phà và hoạt động kinh doanh ngoài công ích:

- **Cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích:** Công ty là nhà cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích về quản lý, bảo dưỡng và duy tu sửa chữa hệ thống cầu đường bộ trên địa bàn thành phố do Sở Giao thông vận tải Thành phố đặt hàng theo Nghị định 130/2013/NĐ-CP của Chính Phủ. Đây là sản phẩm, dịch vụ công ích Công ty có thể mạnh với sự chuyên nghiệp với đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên có tay nghề, kinh nghiệm và hệ thống thiết bị như máy kiểm tra cầu, thiết bị kiểm định thử tải cầu, máy quét đường, máy cào bóc, thiết bị thảm bê tông nhựa nóng và các thiết bị chuyên dụng khác. Tỷ trọng doanh thu của hoạt động này chiếm khoảng trên 30% tổng doanh thu/năm. Đồng thời, Công ty còn cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích duy tu sửa chữa các công trình thuộc hệ thống đường thủy nội địa như: Phao tiêu, biển báo hiệu, bờ kè, trạm kiểm soát, bến thủy nội địa.. Doanh thu của hoạt động này chiếm dưới 1% tổng doanh thu.

- **Hoạt động công ích phà:** Đây là hoạt động công ích phục vụ hành khách qua phà tại các bến phà do Công ty quản lý. Đây là hoạt động theo quy định của nhà nước về phí và lệ phí trên cơ sở cân đối thu – chi, nhà nước cấp bù chi phí duy tu sửa chữa phương tiện theo niên hạn đăng kiểm và là hoạt động công ích thuần túy không có nhiều lợi nhuận. Trong các năm từ 2012-2014, doanh thu từ hoạt động này chiếm trên 10%/Tổng doanh thu nhưng lợi nhuận từ hoạt động này chỉ chiếm 1% đến 2%/Tổng lợi nhuận gộp.

Hiện nay, lĩnh vực hoạt động công ích phục vụ hành khách và phương tiện giao thông qua phà gặp nhiều khó khăn do tuyến đường cao tốc TP.HCM – Long Thành đưa vào sử dụng. Kể từ ngày 02/01/2014, lượng phương tiện cơ giới qua phà giảm đáng kể dẫn đến doanh thu của bến phà giảm. Đặc biệt các loại ô tô du lịch dưới 7 chỗ và xe khách dưới 20 chỗ ngồi giảm 65% do các loại phương tiện này thường chọn lộ trình theo tuyến cao tốc TP.HCM - Long Thành thay vì qua bến phà như trước đây. Hiện tại, bến phà chủ

yếu phục vụ xe 02 bánh.

Sau khi cổ phần hóa doanh nghiệp, Công ty sẽ bàn giao toàn bộ nhân sự tài sản, hoạt động của bến phà cho Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích Thanh niên xung phong theo Quyết định số 4214/QĐ-UBND ngày 26/08/2015 của Ủy Ban nhân dân thành phố.

▪ **Hoạt động kinh doanh ngoài công ích:** Đây là hoạt động chính của Công ty trong những năm gần đây, bao gồm hoạt động chính là thi công công trình giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật và kiểm định cầu. Trong các năm từ 2013-2014, doanh thu và lợi nhuận của hoạt động này chiếm tỷ trọng khá cao và có xu hướng tăng lên cụ thể, doanh thu kinh doanh ngoài công ích chiếm trên 40% trong cơ cấu Tổng doanh thu, và chiếm trên 35% trên tổng lợi nhuận trước thuế.

Ngoài ra, Công ty còn mở rộng một số loại hình kinh doanh phụ gồm: Đầu tư khai thác dạp cầu làm bãi đậu xe có thu phí kết hợp mảng xanh và kinh doanh cho thuê xe máy thiết bị thi công và vận tải:

- **Đầu tư khai thác bãi đậu xe dạp cầu:** Với 08 công trình đầu tư với tổng mức đầu tư trên 8 tỷ đồng, đến nay đã đưa vào khai thác hiệu quả được đánh giá trên cơ sở doanh thu (gần 4 tỷ đồng/năm), lợi nhuận (6% doanh thu) và hoàn vốn đầu tư (từ 8 – 12 năm). Đồng thời, giải quyết vấn đề kho bãi tập kết vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất và góp phần vào việc giải quyết nhu cầu chỗ đậu xe nội đô thành phố.
- **Kinh doanh cho thuê xe máy thiết bị:** Công ty tổ chức cho thuê thiết bị thi công nhằm khai thác tối đa nguồn lực thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư. Đây cũng là thị trường tiềm năng, có hiệu quả cần được khai thác trong tương lai.

1.2 Nguyên vật liệu

❖ Nguồn nguyên vật liệu:

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là thi công các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật và kiểm định cầu, do đó nguyên vật liệu chủ yếu là: sắt thép, cầu kiện cầu, bê tông nhựa nóng, nhũ tương nhựa đường, bột sơn giao thông, sơn nước, sơn dầu, cát, đá, xi măng, nhiên liệu...được cung cấp bởi các nhà cung cấp đáng tin cậy:

STT	Tên nguyên vật liệu	Nhà cung cấp
1	Bê tông nhựa nóng	- Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT
2	Nhũ tương nhựa đường	- Công ty TNHH Colas Việt Nam - Công ty cổ phần Hamadeco
3	Sắt thép	- Tổng Công ty thép Miền Nam - Các nhà cung cấp khác

STT	Tên nguyên vật liệu	Nhà cung cấp
4	Cầu kiện cầu, vật tư	- Công ty cổ phần Giao thông Đông Hải - Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Phi Đạt - Công ty cổ phần Cơ khí 4 – Thăng Long - Công ty cổ phần cao su Phú Việt - Công ty cổ phần cao su Thăng Long
5	Cọc, dầm bê tông đúc sẵn	- Công ty Cổ phần Bê tông 620 - Công ty Cổ phần bê tông 6
6	Cống tròn, cống hộp BTCT	- Công ty Cổ phần Hùng Vương - Công ty IBS
7	Xi măng	- Xi măng Holcim - Xi măng Fico
8	Đá, cát	- Mỏ đá Bình Dương/Đồng Nai - Các vựa cát khu vực TP HCM
9	Sơn Giao thông	- Sơn Calmax – Công ty Yên Sinh - Sơn Dutex – Công ty Hoàng Gia
10	Khe co giãn giao thông	- Công ty cổ phần Cao su Phú Việt
11	Nhiên liệu	- Công ty cổ phần vật tư Xăng dầu (COMECO). - Petrolimex
12	Sika và các hóa chất trong ngành xây dựng	- Sika Việt Nam

Nguồn: HFBC Co

❖ *Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu:*

Nhìn chung, thị trường các yếu tố đầu vào cho hoạt động sản xuất của Công ty khá phong phú và phổ biến. Công ty có điều kiện lựa chọn đơn vị cung cấp nguyên vật liệu trên cơ sở chào giá cạnh tranh để góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, các nguồn cung cấp nguyên vật liệu đầu vào của Công ty phần lớn từ các đối tác đáng tin cậy và lâu năm, do đó luôn đảm bảo nguồn cung cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.

❖ *Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:*

Để hạn chế những tác động tiêu cực của sự biến động giá cả nguyên vật liệu đến kết quả kinh doanh, Công ty đã từng bước áp dụng những biện pháp sau:

- Áp dụng các công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh;
- Tuyển dụng cán bộ kỹ thuật và công nhân có tay nghề cao, có kinh nghiệm trong việc sản xuất kinh doanh;
- Đầu tư thiết bị có tính năng, công suất phù hợp trong công việc sản xuất kinh

doanh Công ty;

- Lựa chọn các nhà cung cấp nguyên vật liệu đầu vào có uy tín trên thị trường và có giá cả ổn định.

1.3 Chi phí sản xuất

Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa như sau (theo số liệu của Biên bản kiểm tra BCTC của Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước TP.HCM và Chi cục Tài chính doanh nghiệp năm 2012; năm 2013 sau kiểm toán nhà nước và năm 2014 sau kiểm toán độc lập):

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị	% Tổng doanh thu	Giá trị	% Tổng doanh thu	Giá trị	% Tổng doanh thu
Giá vốn bán hàng	278.460	81,11%	347.170	86,19%	335.007	86,77%
Chi phí tài chính	66	0,02%	-	-	104	0,03%
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	35.741	10,41%	29.169	7,24%	22.660	5,87%
Chi phí khác	42	0,01%	745	0,18%	1.060	0,27%
Tổng cộng	314.309	91,56%	377.084	93,62%	358.831	92,94%

Nguồn: HFBC Co

Nhìn chung, trong cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh thì giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao nhất trong 3 năm trước cổ phần hóa từ 81% đến trên 86% trên doanh thu, và chi phí này có xu hướng tăng trong 2 năm trở lại đây. Chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty nằm ở mức cao, tuy nhiên đang có xu hướng giảm so với Tổng doanh thu, cụ thể từ 10,41%/tổng doanh thu năm 2012 giảm xuống còn 5,87% trên tổng doanh thu năm 2014. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là các hoạt động công ích và kinh doanh xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật và kiểm định cầu nên Công ty không phát sinh Chi phí bán hàng.

Có thể thấy, cơ cấu chi phí trên Tổng doanh thu của Công ty khá cao dao động từ 91% đến 93%, Công ty cần tiếp tục thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí nhằm đẩy mạnh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.4 Trình độ công nghệ

Việc áp dụng khoa học quản lý và công nghệ, vật liệu sản xuất mới luôn được Công ty quan tâm thực hiện và xem đây là nhiệm vụ quan trọng trong xây dựng và phát triển đơn vị. Quỹ đầu tư khoa học công nghệ được thành lập theo quy định của Bộ Tài Chính tại Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 09/02/2011 và Thông tư số 105/2012/TT-BTC ngày 25/6/2012.

Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Ngoài ra, Công ty có hệ thống tin học quản lý nội bộ khá tiên tiến, bao gồm: website điều hành nội bộ, các phần mềm kế toán, quản lý kho, dự toán công trình, chương trình quản lý cầu... đảm bảo việc đồng bộ trong quản lý và truy xuất dữ liệu.

Đối với việc đầu tư trang thiết bị mang tính chuyên ngành, Công ty luôn chú trọng các vấn đề sau:

- Để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã chú trọng đầu tư bộ trang thiết bị kiểm định thử tải hiện đại hàng đầu thành phố, các thiết bị chuyên dùng để kiểm tra cầu, máy quét đường, hệ thống camera dưới nước để kiểm tra móng cầu;
- Áp dụng công nghệ mới trong công tác quản lý cầu như: Triển khai áp dụng hệ thống camera quan sát tại các công trình cầu trọng điểm, các điểm đen giao thông để kịp thời phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố phát sinh. Qua đó, rút ngắn thời gian xử lý và trả lại hiện trạng giao thông;
- Áp dụng vật liệu mới trong công tác sửa chữa cầu: Dán sợi carbon xử lý nứt dầm, mặt cầu, phun keo Epoxy vết nứt, vá mặt đường bằng vật liệu tái sinh; Phối hợp Trường Đại học Bách Khoa TP.HCM nghiên cứu và áp dụng kỹ thuật đo dao động công trình cầu. Đề tài đã được Hội đồng sáng kiến Sở Giao thông vận tải công nhận và được UBND thành phố chấp thuận để triển khai thực hiện.

1.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Trong những năm gần đây, nằm trong chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh, Công ty đã nghiên cứu, phát triển một số sản phẩm dịch vụ mới như:

- Đầu tư khai thác dịch vụ giữ xe dưới dầm cầu trong hành lang quản lý gồm 08 dự án với tổng mức đầu tư là: 8.786.717.459 đồng. Hiện nay, dịch vụ này cho thấy là một khoản đầu tư hiệu quả, đảm bảo thu hồi vốn, lợi nhuận (6%/doanh thu), tỷ suất lợi nhuận/vốn đầu tư cao. Tuy nhiên, do không được giao quyền sử dụng đất nên rủi ro khi nhà nước thay đổi cơ chế, chính sách vẫn rất lớn.
- Phát triển dịch vụ cho thuê xe máy thiết bị: Với nguồn lực thiết bị hiện có, ngoài việc phục vụ hoạt động sản xuất nội bộ, Công ty mở rộng dịch vụ cho thuê xe máy thiết bị và vận tải hàng hóa đường bộ. Bước đầu, doanh thu hàng năm đạt khoảng 4 tỷ đồng. Đây là dịch vụ có tiềm năng phát triển. Công ty đã có kế hoạch phát triển để khai thác thị trường này bằng những thiết bị chuyên dùng

mang tính đặc thù để tạo thế mạnh cạnh tranh.

- Nghiên cứu phát triển về vật liệu xây dựng: Lập kế hoạch đầu tư trạm trộn bê tông nhựa nóng để chủ động sản xuất và kinh doanh. Thành lập xí nghiệp Công trình giao thông 8 để chủ động sản xuất về cấu kiện cầu (thép, bê tông cốt thép đúc sẵn). Công ty đang nghiên cứu, khảo sát thị trường để phát triển sản phẩm này.

1.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm /dịch vụ

Công ty đưa ra chính sách chất lượng như là sự cam kết của Công ty trong việc đáp ứng ngày càng tốt hơn sự mong đợi của khách hàng. Chính sách chất lượng luôn được lãnh đạo Công ty xem xét định kỳ đảm bảo sự phù hợp của chính sách đối với từng thời kỳ phát triển và được truyền đạt, thấu hiểu trong toàn thể CBCNV của Công ty. Hiện tại, Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008.

1.7 Hoạt động Marketing

Ngoài các biện pháp tạo uy tín với khách hàng bằng chất lượng, tiến độ, giá thành công trình, Công ty còn thực hiện quảng bá hình ảnh, thương hiệu trên các phương tiện truyền thông như: đăng tải thông tin trên Tạp chí Tài chính, Báo Thanh tra, báo Pháp Luật Việt Nam. Hàng năm Công ty đều tổ chức hội nghị khách hàng. Tuy nhiên, việc quảng cáo thương hiệu một cách chuyên nghiệp chưa được quan tâm thực hiện.

2. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

2.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty TNHH một thành viên Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh được biết đến như là một đơn vị chuyên nghiệp về kiểm tra, kiểm định bảo dưỡng, sửa chữa cầu và vận hành phà trên địa bàn thành phố.

Đồng thời, Công ty cũng dần xây dựng được uy tín, lòng tin của các đối tác về chất lượng, tiến độ, giá thành các sản phẩm xây dựng.

2.2 Triển vọng phát triển của ngành

Trong bối cảnh kinh tế thế giới và khu vực phục hồi đà tăng trưởng sau cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu nhưng tốc độ phục hồi còn chậm và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Ở trong nước, kinh tế có dấu hiệu phục hồi nhưng cũng còn nhiều khó khăn, thách thức. Trong các năm tiếp theo, với định hướng của cơ quan nhà nước về việc xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn đã mở ra nhiều cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật ở các thành phố lớn.

Đối với thành phố Hồ Chí Minh, quy hoạch 2015 – 2020 cũng tập trung vào công tác xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Đồng thời, chủ trương xã hội hóa sản phẩm dịch vụ công ích đặt ra cho Công ty thách thức vừa là động lực để phát triển, nâng cao chất lượng để tồn tại và phát triển.

2.3 Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty

Trước tiềm năng phát triển của ngành, Công ty xây dựng mục tiêu, chiến lược cụ thể gồm tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác tích cực các nguồn lực, vật liệu nhằm nâng cao kết quả hoạt động.

Công ty cũng đưa ra mục tiêu cho mình là giữ vững các hợp đồng đang thực hiện trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh, đồng thời tìm kiếm các hợp đồng thi công mới và cơ hội hợp tác đầu tư các dự án về giao thông,...

Bên cạnh đó, những chính sách quan tâm kịp thời và phù hợp của Nhà nước đối với ngành cùng với tiềm năng phát triển của xã hội sẽ góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các công ty hoạt động trong ngành nói chung và Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty chưa đăng ký nhãn hiệu thương mại, biểu tượng Công ty và các sáng chế, bản quyền. Hiện tại, Công ty đang sử dụng logo sau trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Logo này chưa được đăng ký với Cục sở hữu trí tuệ.



4. Các hợp đồng lớn

STT	Tên công trình	Thời điểm ký hợp đồng	Giá trị (đồng)
1	Xây dựng đường chui dưới dầm cầu Bến Cát 1, 2 để giải quyết việc quay đầu xe tại nút giao Quốc Lộ 1A – Tô Ngọc Vân	16/11/2012	10.267.672.904
2	Xây dựng cầu Dinh Ông – Huyện Nhà Bè	25/12/2012	18.758.951.842
3	Mở rộng đường Tỉnh lộ 10, huyện Bình Chánh và quận Bình Tân – TP.Hồ Chí Minh - Gói thầu xây lắp số 14	04/09/2012	14.977.893.040
4	Xây dựng kè bảo vệ, chống sạt lở bờ sông khu vực khu dân cư xã Phước Kiển	25/07/2013	11.280.120.000
5	Xây dựng cầu qua rạch Tắc Long Kiển	23/12/2013	11.159.000.000
6	Xây dựng cầu công tác thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện gió tỉnh Bạc Liêu - Giai đoạn 2	11/04/2014	55.023.975.600
7	Xây dựng cầu Rạch Rộp 1 (giai đoạn I)	20/10/2014	53.967.000.000

STT	Tên công trình	Thời điểm ký hợp đồng	Giá trị (đồng)
8	Xây dựng hệ thống thoát nước đường Rạch Cát thuộc gói thầu B - dự án cải thiện môi trường nước giai đoạn II	04/06/2015	12.222.201.672
9	Xây dựng cầu Mương Lớn 1	15/04/2015	38.085.000.000

Nguồn: HFBC Co

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi cổ phần hóa

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty giai đoạn các năm trước khi cổ phần hóa được tóm tắt ở bảng sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Tổng tài sản	Đồng	302.813.632.230	342.275.493.110	322.949.028.943
2	Vốn Chủ sở hữu	Đồng	89.791.432.059	107.955.084.320	118.200.491.932
2.1	Vốn chủ sở hữu	Đồng	97.407.872.178	115.415.025.216	123.400.772.152
2.2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	Đồng	(7.616.440.119)	(7.459.940.896)	(5.200.280.220)
3	Nợ phải trả	Đồng	213.022.200.171	234.320.408.790	204.748.537.011
3.1	Nợ ngắn hạn	Đồng	213.022.200.171	234.320.408.790	204.748.537.011
	Trong đó: nợ quá hạn	Đồng	-	-	-
3.2	Nợ dài hạn	Đồng	-	-	-
	Trong đó: nợ quá hạn	Đồng	-	-	-
4	Nợ phải thu	Đồng	34.698.112.301	76.079.524.368	117.697.505.430
5	Tổng số lao động (người)	Người	473	521	538
6	Tổng quỹ lương	Đồng	123.189.190.147	105.100.644.614	87.103.000.000
7	Thu nhập bình quân của người lao động/tháng	Đồng	21.703.522	16.810.724	13.491.790
8	Doanh thu thuần	Đồng	343.294.858.669	402.776.697.183	386.084.767.972
9	Tổng chi phí	Đồng	314.309.060.513	377.084.456.819	358.830.842.484
10	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	28.985.798.156	25.692.240.364	27.253.925.488
11	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	21.739.348.617	19.182.843.459	21.152.057.088

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
12	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn Chủ sở hữu		24%	18%	18%

Nguồn: Biên bản kiểm tra BCTC năm 2012, 2013, 2014, HFBC Co tổng hợp

Một số chỉ tiêu tài chính các năm trước cổ phần hóa của Công ty:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,09	1,08	1,13
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,07	1,06	1,12
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số nợ/Tổng nguồn vốn	Lần	0,70	0,68	0,63
Hệ số nợ ngắn hạn/Tổng nguồn vốn	Lần	0,70	0,68	0,63
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,37	2,17	1,73
Hệ số nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,37	2,17	1,73
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng		1,22	1,15
Vòng quay tổng tài sản	Vòng		1,22	1,15
Vòng quay khoản phải thu	Vòng		93,71	92,71
Vòng quay khoản phải trả	Vòng		0,77	0,76
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,37	4,88	5,58
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	24,21	17,77	18,09
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7,18	5,60	6,62
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	18,37	11,66	12,60

Nguồn: Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà TP Hồ Chí Minh

Trong giai đoạn 2012 – 2014, cơ cấu vốn của Công ty có xu hướng thiên về nợ nhiều hơn, hệ số nợ có xu hướng ổn định. Việc sử dụng nợ sẽ giúp Công ty tận dụng được lợi ích từ đòn bẩy tài chính, tuy nhiên thông qua chi phí lãi vay cho thấy Công ty cũng khá cân trọng trong việc sử dụng nợ.

Hệ số thanh toán nhanh và hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty được chú trọng nâng cao, đảm bảo mức độ an toàn thanh khoản và khả năng thanh toán cho Công ty.

Ngoài ra, trong điều kiện khó khăn chung của nền kinh tế, HFBC Co đã đẩy mạnh kiểm soát chi phí hoạt động nên lợi nhuận sau thuế của Công ty có sự gia tăng. Vì vậy, tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần giai đoạn 2012 - 2014 trước cổ phần hoá tăng đạt tỷ lệ cao và ổn định dao động từ 4,88% đến 6,37%.

6. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

6.1 Thuận lợi

- Công ty được sự quan tâm của các cơ quan nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện các dự án công ích và dự án khác trên địa bàn thành phố.
- Công ty có nhiều kinh nghiệm, năng lực nhân sự, thiết bị chuyên ngành trong lĩnh vực quản lý, bảo dưỡng và sửa chữa cầu.
- Tập thể cán bộ công nhân viên Công ty là đội ngũ cán bộ trẻ, năng động, tận tụy trong công việc, luôn học hỏi kinh nghiệm trong thực tế để áp dụng vào công việc một cách khoa học, hợp lý để nâng cao hiệu quả và chất lượng công việc. Đây chính là nguồn lực chính giúp Công ty luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian qua.
- Công ty luôn tận dụng và khai thác tiềm năng hiện có về cơ sở vật chất, vốn, lợi thế kinh doanh để giữ vững và mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay theo hướng chuyên môn hóa.

6.2 Khó khăn

- Suy thoái kinh tế đã gây khó khăn lớn cho doanh nghiệp về nguồn công trình. Sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường là một trong những thách thức cho doanh nghiệp trong giai đoạn mới bắt đầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Cơ chế chính sách của nhà nước liên tục thay đổi nhất là đối với lĩnh vực công ích, các gói thầu công trình sử dụng vốn ngân sách. Hoạt động cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích quản lý duy tu cầu gặp nhiều khó khăn, bị động khi nhà nước thay đổi chính sách tiền lương. Đồng thời, tiềm ẩn nhiều nguy cơ khi cơ quan quản lý hạ tầng có nhiều thay đổi về cơ chế đặt hàng (Đấu thầu, thay đổi định mức, định ngạch, giảm giá...).
- Hoạt động sản xuất kinh doanh chưa tạo được các sản phẩm có thể mạnh, cạnh tranh và chưa khai thác các thị trường tiềm năng trong hoạt động xây dựng công trình: công tác tổ chức và quản trị ngày càng bộc lộ những tồn tại cần sớm khắc phục và cải tiến, trong đó sắp xếp tổ chức là quan trọng.
- Hoạt động sản xuất, doanh thu, quỹ lương của Công ty chủ yếu vào sản phẩm công ích và hoạt động phà. Hoạt động của doanh nghiệp chưa thoát hẳn tư duy công ích thể hiện trên kế hoạch, năng lực và tay nghề của người lao động. Sự chuyển đổi sang hoạt động kinh doanh có chiều hướng tích cực nhưng chưa thực sự mạnh. Trong quá trình phát triển sản xuất, công ty bắt đầu phát sinh những khó khăn về tài chính để thi công các gói thầu có giá trị lớn.
- Thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh lĩnh vực thi công công trình còn nhiều tồn tại như: Năng lực kỹ thuật, năng lực cạnh tranh và sự thỏa mãn khách hàng chưa cao, tay nghề người lao động chưa đáp ứng yêu cầu, còn dễ xảy ra tình trạng chậm tiến độ, tổ chức công trường chưa chuyên nghiệp. Năng lực

hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tuy dần được nâng cao nhưng chưa đáp ứng yêu cầu. Trình độ tay nghề của người lao động chưa cao nhất là lĩnh vực thi công cơ giới. Việc tổ chức vận hành thiết bị mới được đầu tư còn nhiều bất cập.

- Cơ sở vật chất của Công ty còn thiếu, xe máy thiết bị thi công chưa đủ mạnh trong lĩnh vực thi công cầu, kho bãi, nhà xưởng còn thiếu cần phải đi thuê.
- Nguồn vốn để thực hiện các gói thầu có giá trị lớn đang là vấn đề khó khăn của Công ty trong chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh.
- Các công trình có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước do được nhiều cơ quan ban ngành thẩm tra phê duyệt quyết toán nên doanh thu ghi nhận tại thời điểm nghiệm thu bàn giao công trình thường có sự thay đổi khi được phê duyệt chính thức. Thời gian thẩm tra duyệt quyết toán khá lâu nên sẽ làm ảnh hưởng đến doanh thu, công nợ tại các năm công trình được phê duyệt chính thức, đây là yếu tố khách quan làm ảnh hưởng đến kế hoạch doanh thu, lợi nhuận hàng năm của công ty.

PHẦN V:
PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN,
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
SAU CỔ PHẦN HÓA

I. TÊN CÔNG TY CỔ PHẦN

- ❖ Tên tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
- ❖ Tên tiếng Anh : **Ho Chi Minh City Ferry Bridge Construction Joint Stock Company**
- ❖ Tên viết tắt : **HFBC JSC**
- ❖ Trụ sở chính : **132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, TP.HCM**
- ❖ Điện thoại : **08.38.533.496 - 08.38.533.490**
- ❖ Fax : **08.38.533.495**
- ❖ Website : **www.caupha.com**

II. VỐN ĐIỀU LỆ, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ MÔ HÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

1. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

▪ **Vốn điều lệ**

- ❖ Vốn điều lệ Công ty cổ phần : **91.000.000.000 đồng (Chín mươi một tỷ đồng chẵn)**
- ❖ Mệnh giá một cổ phần : **10.000 đồng**
- ❖ Số lượng cổ phần : **9.100.000 cổ phần**

▪ **Cơ cấu vốn điều lệ**

Cơ cấu vốn điều lệ của công ty cổ phần dự kiến như sau:

STT	Cổ đông	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ
1	Nhà nước	3.640.000	36.400.000.000	40,00%
2	Cổ đông CBCNV mua ưu đãi	898.000	8.980.000.000	9,87%
2.1	- Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước	642.600	6.426.000.000	7,06%
2.2	- Cổ phần CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần	255.400	2.554.000.000	2,81%
3	Công đoàn công ty	0	0	0,00%
4	Nhà đầu tư chiến lược	0	0	0,00%

STT	Cổ đông	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ
5	Cổ đông mua cổ phần thông qua đấu giá	4.562.000	45.620.000.000	50,13%
	Tổng cộng	9.100.000	91.000.000.000	100,00%

Số cổ phần không bán hết (nếu có) sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP. Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận mà vẫn không bán hết thì báo cáo UBND thành phố Hồ Chí Minh thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm bổ sung vào dự thảo Điều lệ để thông qua Đại hội đồng cổ đông lần đầu về quyền bán tiếp phần vốn nhà nước tại Công ty sau khi Công ty Cổ phần Công trình Cầu phà TP.HCM đã chính thức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa đã được UBND thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt điều chỉnh.

2. Ngành nghề kinh doanh dự kiến

Kế thừa các ngành nghề kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301986393 cấp lần đầu ngày 16/9/2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 16 tháng 4 năm 2014. Gồm:

- Thi công xây dựng công trình giao thông: Cầu, hầm, đường giao thông; Hệ thống thoát nước công trình giao thông.
- Thi công công trình đường thủy: Bờ kè, cầu cảng, bến thủy.
- Thi công, lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật: Đào lắp đặt công trình ngầm; thi công công trình bến bãi, công trình cấp thoát nước, viễn thông, điện lực.
- Thi công trình dân dụng và công nghiệp.
- Cung ứng sản phẩm/dịch vụ công ích quản lý, bảo trì công trình đường bộ, đường thủy: Quản lý, duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và đảm bảo an toàn hệ thống các công trình cầu, phà, công trình đường thủy nội địa. Quản lý, bảo dưỡng, chăm sóc công viên cây xanh.
- Vận tải hành khách, hàng hóa đường thủy nội địa: Quản lý và khai thác phục vụ hành khách, phương tiện giao thông đường bộ qua lại các bến phà; Vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy nội địa; Vận tải hành khách bằng đường thủy nội địa.
- Đầu tư phát triển hạ tầng, đầu tư tài chính.
- Các dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông: Khảo sát địa hình xây dựng công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông đường bộ; tư vấn đấu thầu; Giám sát thi công xây dựng công trình; Tư vấn xây dựng (quản lý dự án, đánh giá sự cố, lập phương án xử lý); Thẩm tra thiết kế; Thẩm tra dự toán các công trình xây dựng.

- Nạo vét sông, kênh, rạch.
- Thử tải kiểm định cầu.
- Sản xuất, lắp đặt các loại biển báo giao thông đường bộ, đường thủy; Sơn phân tuyến; thả phao tiêu báo hiệu. sản xuất, gia công, lắp đặt phao tiêu đường thủy (trừ tái chế phế thải, xi mạ điện).
- Sản xuất bê tông nhựa nóng, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, bê tông cốt thép đúc sẵn.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: Dịch vụ giữ xe dạ cầu trong hành lang quản lý.
- Dịch vụ cho thuê thiết bị thi công cơ giới và thiết bị xây dựng.
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải: Cầu kiện nổi.
- Lắp đặt hệ thống điện: lắp đặt hệ thống điện ở tất cả các công trình nhà ở và dân dụng: dây dẫn và thiết bị điện, đường dây thông tin liên lạc, mạng máy tính và dây cáp truyền hình bao gồm cả cáp quang học, hệ thống chiếu sáng, chuông báo cháy, hệ thống báo động chống trộm, đèn tín hiệu và đèn trên đường phố.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: lắp đặt hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà hoặc công trình xây dựng khác, kể cả mở rộng, thay đổi, bảo dưỡng và sửa chữa.
- Sản xuất và Kinh doanh vật liệu xây dựng.

3. Phương án về tổ chức và quản lý điều hành Công ty

Công ty Cổ phần Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc.

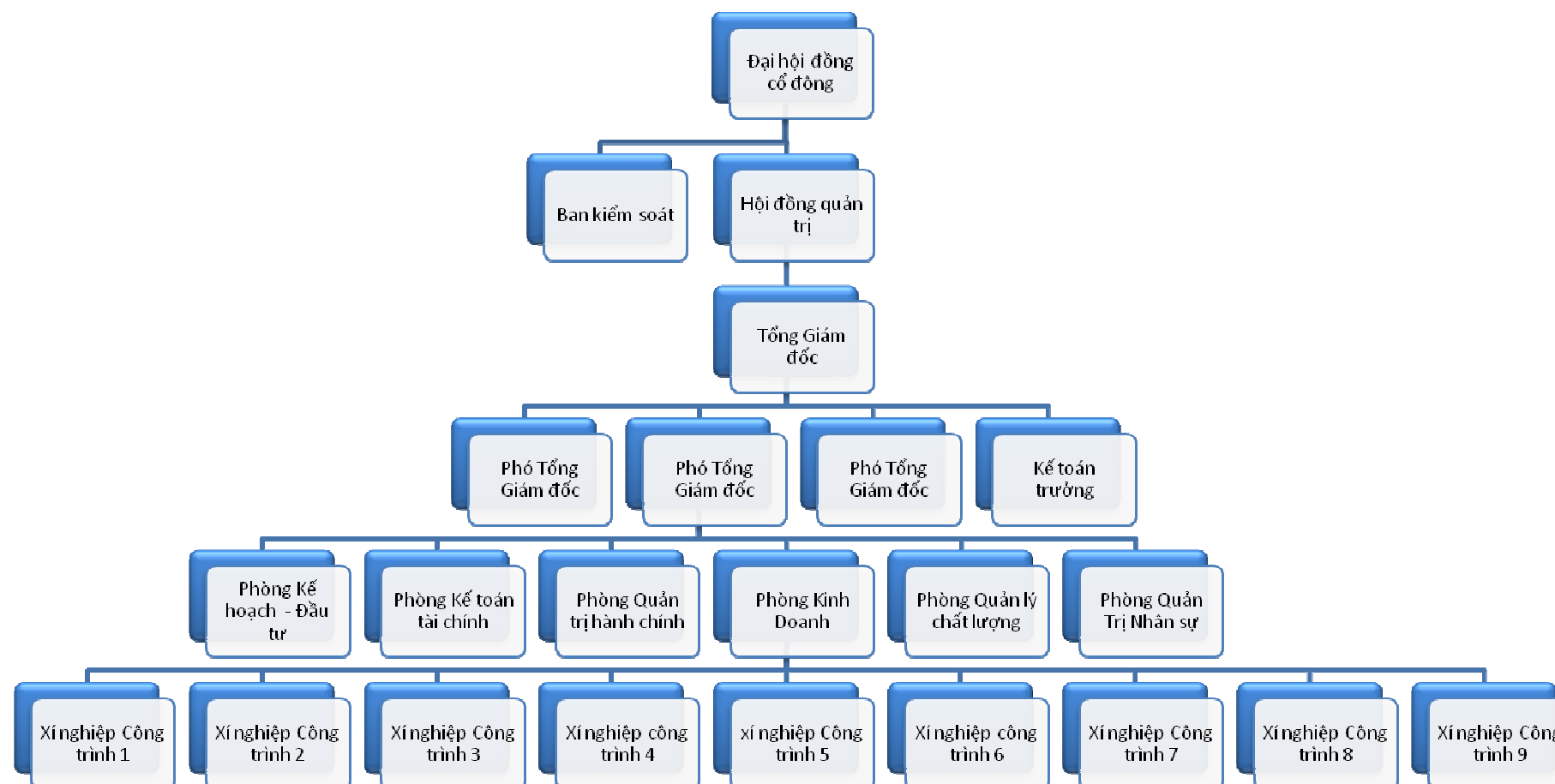
Dự kiến bộ máy tổ chức của Công ty như sau:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc;
5. Các phòng nghiệp vụ:
 - Phòng Kế hoạch - Đầu tư
 - Phòng Kinh doanh
 - Phòng Kế toán tài chính
 - Phòng Quản trị hành chính

- Phòng Quản lý chất lượng
- Phòng Quản trị nhân sự
- 6. Các Xí nghiệp sản xuất trực thuộc: 09 xí nghiệp công trình là các đơn vị trực tiếp sản xuất, hạch toán phụ thuộc, báo sổ trực thuộc công ty.
- 7. Một số văn phòng đại diện của công ty tại các địa phương phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Với cơ cấu như trên, bộ máy tổ chức của Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà TP Hồ Chí Minh được thể hiện theo sơ đồ dưới đây:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



4. Chiến lược phát triển, kế hoạch đầu tư và phương án sản xuất kinh doanh

4.1 Chiến lược phát triển

Sau khi chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh đặt ra các mục tiêu cơ bản như sau cho chiến lược phát triển của Công ty:

- Tiến hành thủ tục đăng ký bảo hộ logo (nhãn hiệu) của Công ty để có cơ sở pháp lý cho việc Xây dựng và phát triển Cầu Phà thành một thương hiệu mạnh bằng uy tín, chất lượng và giá thành sản phẩm có tính cạnh tranh cao.
- Tập trung phát triển và mở rộng một số ngành nghề kinh doanh chính có nhiều tiềm năng và lợi thế bao gồm:
 - Tiếp tục giữ vững thị trường cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích quản lý và duy tu bảo dưỡng cầu. Đồng thời phát triển sang các lĩnh vực, thị trường công ích khác như cây xanh, đường quốc lộ, đường cao tốc...
 - Phát triển quy mô, mở rộng thị trường, tạo thế mạnh cạnh tranh hoạt động sản xuất kinh doanh chính (xây dựng công trình giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật). Từng bước điều chỉnh cơ cấu sản phẩm, dịch vụ. Đầu tư phát triển sản phẩm chính, tạo sản phẩm mũi nhọn đi đầu về công nghệ. Trong đó, đầu tư phát triển các sản phẩm đặc thù áp dụng các công nghệ, vật liệu mới trong hoạt động xây dựng và sửa chữa công trình giao thông. Tiếp cận và xâm nhập các thị trường tiềm năng, mở rộng hoạt động kinh doanh ra các tỉnh lân cận. Nâng cao tỷ trọng sản phẩm kinh doanh ngoài công ích từ 60% tổng doanh thu trở lên. Trong đó, sản phẩm xây dựng công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật là sản phẩm kinh doanh chủ yếu. Nâng cao năng lực kỹ thuật, năng lực cạnh tranh để có thể tham gia các gói thầu có quy mô và giá trị trên 100 tỷ đồng. Tăng cường hợp tác, liên doanh, liên kết và các đối tác có uy tín để phát triển sản xuất. Nghiên cứu thực hiện các dự án BT, BOT...
- Tiếp tục phát triển sản phẩm, đa dạng hình thức kinh doanh: Hoạt động kiểm định cầu, cho thuê xe máy thiết bị, tiếp tục đầu tư khai thác dạp cầu, sản xuất cầu kiện cơ khí giao thông, cầu kiện bê tông đúc sẵn, sản xuất bê tông nhựa nóng.
- Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với các chủ đầu tư dự án, cơ quan ban ngành. Tăng cường hợp tác, liên doanh liên kết với các đối tác có năng lực, kinh nghiệm để cùng phát triển.
- Chú trọng xây dựng lực lượng lao động chất lượng cao, sắp xếp, tổ chức lại bộ máy tinh gọn, đào tạo mới và đào tạo lại đội ngũ lao động. Áp dụng công nghệ thông tin vào điều hành và quản lý hợp lý nhằm cải thiện môi trường làm việc để tăng năng suất lao động.
- Hướng tới sự thu hút và tập trung các nguồn vốn xã hội: phát hành thêm cổ phiếu, mở rộng bán cổ phần cho các chủ sở hữu trong và ngoài doanh nghiệp, đồng thời cho

phép khai thác được nguồn vốn nội bộ một cách hiệu quả.

4.2 Kế hoạch đầu tư

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Dự án	Giá trị đầu tư	Nguồn vốn	
			Vốn chủ sở hữu	Vốn vay
1	Xây dựng tòa nhà văn phòng tại 451/10 đường Tô Hiến Thành, phường 14, Quận 10.	58.500		58.500
2	Đầu tư trang thiết bị để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh	23.500		23.500
	- Trạm trộn bê tông nhựa nóng 80 tấn/h	20.000		20.000
	- Bộ thiết bị thảm Bê tông nhựa nóng	4.000		4.000
	- Thiết bị cào bóc mặt đường	9.500		9.500
	Tổng cộng	82.000		82.000

Nguồn: HFBC Co

Kế hoạch đầu tư xây dựng Trụ sở mới

Công ty đang thực hiện dự án đầu tư xây dựng Trụ sở văn phòng mới tại 451/10 đường Tô Hiến Thành, phường 14, Quận 10 theo Quyết định phê duyệt dự án số 01/QĐ-SXD-TĐDA ngày 15/01/2015 của Sở Xây Dựng. Cụ thể như sau:

a. Tổng mức đầu tư dự án dự kiến là: **58.501.525.000 đồng**.

b. Quy mô dự án: Tổng diện tích sàn xây dựng hạng mục chính: 5.420,0m². Gồm 09 tầng 01 trệt, 07 tầng lầu và 01 tầng kỹ thuật - mái che thang (chưa bao gồm 01 tầng hầm), chiều cao công trình từ nền sân tới đỉnh mái 32,3m

Trong đó:

+ Tầng hầm	: 1.087,2m ²	(để xe ô tô, xe gắn máy, khu kỹ thuật, phòng bảo vệ)
+ Tầng 1 (trệt)	: 443,6m ²	(khu để xe, sảnh, phòng làm việc, kho, khu vệ sinh)
+ Tầng 2 (lửng)	: 440,0m ²	(sảnh, phòng làm việc, phòng tài xế, phòng máy, 02 kho, khu vệ sinh)
+ Tầng 3	: 567,2m ²	(phòng làm việc, phòng truyền thống + đảng ủy + công đoàn, khu vệ sinh, kho)
+ Tầng 4	: 567,2m ²	(phòng kỹ thuật, phòng làm việc, khu vệ sinh, kho)
+ Tầng 5	: 567,2m ²	(phòng làm việc khu vệ sinh, kho)
+ Tầng 6	: 567,2m ²	(phòng làm việc khu vệ sinh, kho)

+ Tầng 7	: 567,2m2	(phòng làm việc, căn tin-bếp, vệ sinh-kho)
+ Tầng 8	: 567,2m2	(phòng làm việc, sảnh, hội trường, kho, khu vệ sinh)
+ Tầng 9	: 46m2	(kỹ thuật, mái che thang)

c. Nguồn vốn:

Ban đầu Công ty dự kiến từ nguồn bán đấu giá nhà, đất tại địa chỉ số 132 Đào Duy Từ, phường 6, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản số 613/VP-ĐTMT ngày 07/02/2012) của Ủy ban nhân dân thành phố. Tuy nhiên, ngày 13/8/2015, Ủy ban nhân dân thành phố có văn bản số 4175/UBND-CNN khẳng định không cấp thêm vốn từ nguồn bán đấu giá khu đất 132 đường Đào Duy Từ, phường 6, quận 10 để xây dựng trụ sở làm việc tại số 451/10 đường Tô Hiến Thành, phường 14, quận 10 và đề nghị Công ty Đầu tư Tài Chính Nhà nước thành phố (HFIC – công ty mẹ) chỉ đạo Công ty TNHH một thành viên Công trình Cầu phà thành phố nghiên cứu, xem xét phát hành thêm vốn khi thực hiện cổ phần hóa công ty để có nguồn thực hiện dự án.

Trước tình hình đó, Công ty TNHH một thành viên Công trình Cầu phà thành phố dự kiến nguồn vốn để thực hiện có thể từ nguồn vốn vay hoặc từ phát hành thêm cổ phần sau khi Công ty đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (tùy thuộc vào quyết định của Đại hội đồng cổ đông). Công ty không phát hành thêm cổ phần khi IPO lần đầu.

Công ty dự kiến kế hoạch thực hiện chia làm 2 giai đoạn như sau:

▪ **Giai đoạn 1 (2016 - 2017):** Xây dựng tầng hầm, tầng 1, tầng 2, tầng 3, tầng 4 và tầng 5; tổng diện tích sàn xây dựng hạng mục chính 3.672,40 m² với tổng chi phí xây dựng (làm tròn) **35.400.000.000 đồng**:

Stt	Khoản mục chi phí	Kinh phí (đồng)
1	Chi phí xây dựng và (đã bao gồm thuế VAT)	28.128.745.000
2	Chi phí thiết bị	4.333.432.000
3	Chi phí tư vấn + chi phí khác	3.000.000.000
	Cộng chi phí xây dựng giai đoạn 1: (1 + 2 + 3)	35.462.177.000

▪ **Giai đoạn 2:** Sau khi giai đoạn 1 được thực hiện xong và ổn định sản xuất kinh doanh có lãi; Công ty tiếp tục trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định thực hiện giai đoạn 2 để triển khai các hạng mục cũng như các tầng còn lại của dự án theo đúng quy mô được duyệt.

Stt	Khoản mục chi phí	Kinh phí (đồng)
1	Chi phí xây dựng và (đã bao gồm thuế VAT)	11.883.680.000
2	Chi phí thiết bị	2.062.168.000

Stt	Khoản mục chi phí	Kinh phí (đồng)
3	Chi phí tư vấn + chi phí khác	1.000.000.000
	Cộng chi phí xây dựng giai đoạn 2: (1 + 2 + 3)	14.945.848.000

Kế hoạch đầu tư trang thiết bị

Trong chiến lược mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có kế hoạch đầu tư mới một số trang thiết bị phục vụ thi công và kinh doanh trong 03 năm sau cổ phần gồm:

- 01 trạm trộn Bê tông nhựa nóng có công suất 80 tấn/giờ để chủ động về vật liệu và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.
- 01 máy cào bóc mặt đường W150 của Đức.
- 01 bộ thiết bị thảm bê tông nhựa nóng (thiết bị thảm và các lu bánh lốp, bánh thép đi kèm).

Tổng giá trị đầu tư dự kiến khoảng 23,5 tỷ đồng, từ nguồn vốn vay.

5. Cơ hội và thách thức

❖ Cơ hội

- Trong những năm qua, kinh tế Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng khá và ổn định, trung bình từ 5% - 6%/năm, quan hệ tương tác giữa cải cách trong nước, đặc biệt là cải cách thể chế kinh tế với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế đã trở nên chặt chẽ hơn. Dù hiện nay Việt Nam vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn lẫn thách thức do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế, tuy nhiên Chính phủ Việt Nam đã đưa ra nhiều giải pháp, chính sách nhằm tái cơ cấu nền kinh tế, duy trì mục tiêu tăng trưởng GDP.
- Đường lối tiếp tục đổi mới của Đảng và Nhà nước sẽ tạo điều kiện và cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng có điều kiện để cạnh tranh và phát triển.
- Thị trường chứng khoán Việt Nam đã phát triển hơn 10 năm sẽ tạo cơ hội cho Công ty trong việc huy động vốn, tài trợ cho các dự án sản xuất đầu tư, chủ động hơn trong nguồn vốn kinh doanh.
- Phát huy những thành quả và bài học kinh nghiệm của những năm hình thành và phát triển, dưới hình thức Công ty cổ phần, Công ty sẽ tạo nên một mô hình và diện mạo mới, thế và lực mới trên thị trường.

❖ Thách thức

- Tình hình kinh tế, chính trị thế giới biến động khó dự đoán được kèm theo đó là những hậu quả nặng nề của thiên tai tạo nên những mất cân đối khó lường trước.

- Xu hướng hội nhập kinh tế thế giới cùng việc thực thi các cam kết khi gia nhập WTO, tham gia hiệp định TPP đã tạo ra nhiều áp lực. Việc biến động giá xăng dầu trong nước và sự mất ổn định của thị trường nước ngoài vẫn còn ẩn chứa nhiều rủi ro đến sức cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam.

6. Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa

6.1. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh:

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	91.000	91.000	91.000
2	Tổng số lao động	Người	352	355	360
3	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	42.224	44.871	47.392
4	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Tr.đồng	10,00	10,53	10,97
5	Tổng doanh thu	Tr.đồng	335.000	358.000	382.000
6	Tổng chi phí	Tr.đồng	322.320	344.270	367.190
7	Lợi nhuận thực hiện	Tr.đồng	12.680	13.730	14.810
8	Lợi nhuận thực hiện/Vốn điều lệ	%	13,93	15,09	16,27
9	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	10.144	10.984	11.848
10	Lợi nhuận sau thuế /Vốn điều lệ	%	11,15	12,07	13,02
11	Trích lập các quỹ	Tr.đồng	2.029	2.197	2.369
	- Quỹ đầu tư phát triển (5% lợi nhuận sau thuế)	Tr.đồng	507	549	592
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi (15% lợi nhuận sau thuế)	Tr.đồng	1.522	1.648	1.777
12	Chi trả cổ tức	Tr.đồng	7.735	8.645	9.100
13	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	%	8,5	9,5	10

Nguồn: HFBC Co

6.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2016 - 2018:

a. Doanh thu:

Sau khi cổ phần hóa, doanh thu của Công ty chủ yếu từ các hoạt động sau:

- Doanh thu sản phẩm dịch vụ công ích: Với chủ trương xã hội hóa sản phẩm dịch vụ công ích của Ủy ban nhân dân thành phố, Công ty cố gắng giữ vững thị trường này bằng uy tín, chất lượng và sự thỏa mãn khách hàng trên cơ sở kinh nghiệm, sự chuyên nghiệp và nguồn lực hiện có. Doanh thu sản phẩm này phụ thuộc vào nguồn ngân sách cấp cho các cơ quan đặt hàng. Dự kiến năm sau bằng hoặc cao hơn so với năm trước. Đây là sản phẩm mang tính chiến lược có doanh thu ổn định để duy trì lực lượng cơ hữu trong hoạt động sản xuất.

- Doanh thu từ hoạt động thi công công trình: Với những giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường, đầu tư máy móc thiết bị trong những năm gần đây và tiếp nối sang công ty cổ phần, đây sẽ là sản phẩm, dịch vụ mang lại doanh thu, lợi nhuận chủ yếu. Tỷ trọng doanh thu của sản phẩm này sẽ chiếm trên 60% tổng doanh thu, lợi nhuận đạt được chiếm trên 70% lợi nhuận gộp của doanh nghiệp. Đồng thời xác định tốc độ tăng trưởng doanh thu của sản phẩm này là 10%/ năm.

- Doanh thu từ dịch vụ giữ xe đạp cầu: Đây là dịch vụ thị trường tiềm năng trên cơ sở nhu cầu bức thiết của người dân thành phố, nhất là khu vực trung tâm. Trước mắt trong 03 năm sau cổ phần Công ty sẽ khai thác hiệu quả các đạp cầu đã đầu tư và lập kế hoạch mở rộng phát triển trên cơ sở nghiên cứu toàn diện và quản trị rủi ro.

- Doanh thu từ dịch vụ cho thuê xe máy thiết bị: Duy trì và phát triển thị trường, xây dựng lại toàn bộ quy trình vận hành, tổ chức quản lý để tăng doanh thu, tăng hiệu quả. Trên cơ sở khảo sát thị trường, sẽ đề xuất Đại hội đồng cổ đông đầu tư một số thiết bị mới để mở rộng kinh doanh dịch vụ này.

- Doanh thu từ hoạt động khác (tài chính, bất thường): Dự kiến đóng góp từ 0.5 – 1% tổng doanh thu.

DVT: Triệu đồng

ST T	Sản phẩm, dịch vụ	Doanh thu		
		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Sản phẩm dịch vụ công ích	105.000	105.000	105.000
2	Thi công công trình	220.000	242.000	266.000
3	Dịch vụ giữ xe đạp cầu	4.000	4.000	4.000
4	Cho thuê xe máy thiết bị	4.000	5.000	5.000
5	Hoạt động khác (tài chính, bất thường)	2.000	2.000	2.000
	Tổng cộng	335.000	358.000	382.000

Nguồn: HFBC Co

b. Lợi nhuận:

Trên cơ sở hợp lý hóa sản xuất, tiết kiệm chi phí, Công ty đảm bảo lợi nhuận định mức cho từng nhóm sản phẩm như sau:

- Lợi nhuận từ sản phẩm, dịch vụ công ích: 2% doanh thu
- Lợi nhuận từ hoạt động thi công công trình: 4,5% doanh thu
- Lợi nhuận từ dịch vụ giữ xe đạp cầu: 6% doanh thu
- Lợi nhuận từ dịch vụ cho thuê xe máy thiết bị: 6% doanh thu
- Lợi nhuận từ hoạt động khác (tài chính, bất thường): 10% doanh thu.

ĐVT: Triệu đồng

T T	Sản phẩm, dịch vụ	Doanh thu			Tỷ suất LN/DT	Lợi nhuận		
		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Sản phẩm dịch vụ công ích	105.000	105.000	105.000	2%	2.100	2.100	2.100
2	Thi công công trình	220.000	242.000	266.000	4,5%	9.900	10.890	11.970
3	Dịch vụ giữ xe đạp cầu	4.000	4.000	4.000	6%	240	240	240
4	Cho thuê xe máy thiết bị	4.000	5.000	5.000	6%	240	300	300
5	Hoạt động khác (tài chính, bất thường)	2.000	2.000	2.000	10%	200	200	200
	Tổng cộng	335.000	358.000	382.000		12.680	13.730	14.810

Nguồn: HFBC Co

7. Biện pháp thực hiện

Để thực hiện các chỉ tiêu trên, Công ty sẽ tiến hành đồng bộ các giải pháp sau:

Về hoạt động sản xuất kinh doanh

- Chuyên nghiệp hóa, tạo ưu thế cạnh tranh đối với các sản phẩm, dịch vụ Công ty có thế mạnh: sản phẩm dịch vụ công ích, thi công các công trình giao thông, các công trình hạ tầng kỹ thuật. Đây là nhóm sản phẩm, dịch vụ nền tảng mang tính chất quyết định trong hoạt động doanh nghiệp cần đầu tư mạnh mẽ về công nghệ, nhân lực để chuyên nghiệp hóa, tạo thương hiệu và uy tín trên thị trường trong giai đoạn 2016 – 2020. Tập trung nâng cao năng lực để tham gia các gói thầu có quy mô lớn, cấp công trình cao.
- Trong giai đoạn 2016 – 2020, sản phẩm dịch vụ công ích vẫn đóng vai trò quan trọng trong hoạt động doanh nghiệp. Việc giữ vững thị trường bằng chất lượng, sự thỏa mãn khách hàng trong giai đoạn nhà nước áp dụng xã hội hóa sản phẩm dịch vụ công ích là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Đồng thời góp phần vào việc phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật ngành giao thông nói chung. Việc đấu thầu rộng rãi sản phẩm dịch vụ công ích là tất yếu theo chủ trương xã hội hóa và quy định của pháp luật. Việc tạo thế mạnh cạnh tranh bằng kinh nghiệm, chất lượng, công nghệ và giá thành là nhiệm vụ quan trọng. Giữ được thị trường công ích là yếu tố quan trọng để ổn định và phát triển trong giai đoạn công ty mới thực hiện cổ phần hóa.
- Sản phẩm dịch vụ công ích quản lý duy tu cầu được xác định là nhiệm vụ quan trọng mang tính quyết định trong thời điểm hiện tại và là nền tảng để phát triển trong giai đoạn 2016 - 2020. Việc nâng cao chất lượng, thỏa mãn yêu cầu của khách hàng, hạ giá thành sản phẩm là nhiệm vụ cần duy trì và cải tiến tạo thế mạnh cạnh tranh khi

doanh nghiệp. Tổ chức thành một số xí nghiệp chuyên trách về sản phẩm dịch vụ công ích. Thực hiện cơ giới hóa một số hạng mục cơ bản gồm kiểm tra định kỳ, vệ sinh mặt cầu, vét đất lề. Tinh giảm, hợp lý hóa đội ngũ nhân lực thực hiện trên cơ sở bố trí ca, kíp cho phù hợp. Áp dụng tin học trong quản lý bằng các phần mềm chuyên ngành về quản lý cầu, đường. Chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa dịch vụ công ích, tạo thương hiệu và tính cạnh tranh. Chuẩn bị các điều kiện và tham gia thực hiện việc quản lý duy tu các tuyến cao tốc do Bộ Giao thông vận tải quản lý như: cao tốc Sài Gòn – Long Thành – Dầu Giây, cao tốc Sài Gòn – Trung Lương. Đồng thời tham gia thực hiện cung ứng các sản phẩm dịch vụ công ích các lĩnh vực khác như cây xanh, đường bộ do các Khu quản lý giao thông đô thị và UBND quận huyện quản lý.

- Phát triển sản phẩm và mở rộng thị trường là nhiệm vụ chiến lược. Trong đó, đầu tư phát triển các sản phẩm đặc thù áp dụng các công nghệ, vật liệu mới trong hoạt động xây dựng và sửa chữa công trình giao thông. Tiếp cận và xâm nhập các thị trường tiềm năng, mở rộng hoạt động kinh doanh ra các tỉnh lân cận. Sản phẩm xây dựng công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật là sản phẩm kinh doanh chủ yếu.
- Tiếp tục phát triển sản phẩm, đa dạng hình thức kinh doanh: Hoạt động kiểm định cầu, cho thuê xe máy thiết bị, tiếp tục đầu tư khai thác dãi cầu, sản xuất cầu kiện cơ khí giao thông, cầu kiện bê tông đúc sẵn, sản xuất bê tông nhựa nóng.
- Cam kết cung cấp dịch vụ quản lý và các dịch vụ hỗ trợ để các dự án do Công ty nhận thầu đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và hiệu quả.

Về hoạt động đầu tư

- Sau cổ phần hóa, Công ty sẽ tập trung vào các dự án phục vụ nâng cao năng lực, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh như: Văn phòng, cơ sở sản xuất, nhà xưởng, thiết bị thi công, đầu tư dây chuyền sản xuất...
- Nghiên cứu các hoạt động góp vốn đầu tư dự án theo hình thức BT, BOT.v.v hoặc đầu tư ra bên ngoài theo hình thức liên doanh liên kết với các đối tác trong và ngoài nước.

Về nâng cao năng lực quản lý

- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình, biểu mẫu... phù hợp với những thay đổi của chính sách pháp luật Nhà nước, kiện toàn bộ máy tổ chức ở các đơn vị trực thuộc cũng như khối văn phòng Công ty nhằm nâng cao hiệu lực thực thi các văn bản trên và tăng cường cải cách hành chính. Chú trọng giải pháp tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận.
- Các phòng ban Công ty phải có sự phối hợp chặt chẽ để giải quyết những khó khăn vướng mắc tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị trực thuộc. Lập kế hoạch tổ chức các lớp đào tạo: CEO, CFO, CMO... nhằm đáp ứng những yêu cầu công việc mới đảm bảo chất lượng đáp ứng yêu cầu thi công các dự án.

- Tăng cường ổn định chính trị nâng cao tính kỷ cương kỷ luật và duy trì hoạt động SXKD theo quy định pháp luật và điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.
- Đổi mới tư duy, chủ động đề xuất các giải pháp hợp lý để thực hiện công việc quản lý ngày càng khoa học, hiệu quả và đảm bảo chế độ chính sách; thường xuyên quan hệ tốt với địa phương, các cấp các ngành để tranh thủ sự hỗ trợ.

PHẦN VI: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

I. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN

1. Đối tượng mua cổ phần

Đối tượng mua cổ phần bao gồm: Cán bộ công nhân viên Công ty, các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước mua thông qua đấu giá (theo Điều 6 và Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP).

1.1. Cổ phần bán cho CBCNV

Gồm 2 hình thức chi tiết như sau:

1.1.1. Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “*giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)*”.

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Công ty ngày 17/11/2015 (thời điểm UBND TP. HCM công bố giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh để cổ phần hóa) là: **558 người**;
- Tổng số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: **542 người**;
- Tổng số năm công tác toàn bộ số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: **6.426 năm**.
- Tổng số cổ phần CBCNV được mua theo quy định của hình thức này là 642.600 cổ phần với tổng mệnh giá là **6.426.000.000** đồng chiếm 7,06% vốn điều lệ công ty cổ phần.
- Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá cổ phần công khai ra công chúng.
- Giá bán: Bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất.

1.1.2. Cổ phần CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần người lao động được “*Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh*

nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động; Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại doanh nghiệp được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động. Doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của mình xây dựng và quyết định các tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao và phải được nhất trí thông qua tại Đại hội công nhân viên chức của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa”.

Giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được xác định là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước).

Công ty dự kiến có 120 CBCNV đăng ký mua theo quy định của hình thức này với tổng số cổ phần là 255.400 cổ phần, tương ứng tổng mệnh giá là 2.554.000.000 đồng chiếm 2,81% vốn điều lệ công ty cổ phần. Trong đó, số cổ phần mà người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao đăng ký mua là 138.000 cổ phần.

Tiêu chí xác định người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao gồm:

Đối tượng:

- Hội đồng thành viên công ty;
- Ban Giám đốc công ty;
- Kế toán trưởng;
- Trưởng, phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc;
- Tổ trưởng sản xuất.

 Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:

Tốt nghiệp cao đẳng, đại học hoặc cao hơn. Riêng đối với tổ trưởng sản xuất trình độ từ tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên.

 Độ tuổi: Dưới 55 tuổi.

Các tiêu chí này đã được thảo luận và thống nhất tại Đại hội công nhân viên chức bất thường tổ chức ngày 04 và ngày 05/12/2015.

Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá cổ phần công khai ra công chúng.

Giá bán: Bằng giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu người lao động mua theo cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần sẽ bị hạn chế chuyển nhượng tương ứng thời gian người lao động cam kết khi mua cổ phần.

1.2. Cổ phần bán ưu đãi cho Tổ chức Công đoàn

Tổ chức Công đoàn Công ty đã có văn bản số 51/CV-CD ngày 03/12/2015 về việc không đăng ký tham gia mua cổ phần của Công ty.

1.3. Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược

Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh không có nhà đầu tư chiến lược.

1.4. Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài

Số cổ phần thực hiện bán cho các nhà đầu tư bên ngoài như sau:

- Tổ chức bán đấu giá **4.562.000 cổ phần** với tổng mệnh giá là 45.620.000.000 đồng, chiếm 50,13% vốn điều lệ công ty cổ phần, cho các nhà đầu tư thông qua đấu giá.
- Giá khởi điểm: **10.000 đồng/cổ phần**.
- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
- Hạn chế đối với nhà đầu tư nước ngoài: Các nhà đầu tư nước ngoài được nắm giữ tối đa 49% vốn điều lệ Công ty cổ phần

2. Loại cổ phần và phương thức phát hành

2.1. Loại cổ phần

- Tất cả cổ phần của Công ty cổ phần Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông.
- Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2.2. Phương thức phát hành

- Việc bán cổ phần với giá ưu đãi cho cán bộ công nhân viên được thực hiện tại doanh nghiệp theo danh sách đã được phê duyệt.
- Cổ phần bán cho các nhà đầu tư khác thông qua hình thức bán đấu giá dự kiến được tổ chức tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

II. KẾ HOẠCH ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH VÀ NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Căn cứ Công văn số 2405/UBND-CNN về việc cổ phần hóa DNNN gắn với đăng ký giao dịch và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán và quy định tại khoản 1, Điều 14, Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước:

“Điều 14. Đăng ký giao dịch và niêm yết

1. Đối với doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần sau ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

b) Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán, sau khi thực hiện các thủ tục để đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường chứng khoán theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, trong thời hạn tối đa một (01) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải bổ sung hồ sơ để hoàn tất thủ tục niêm yết tại các sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.”

Sau khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần, Công ty cổ phần Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thực hiện hoàn tất thủ tục đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán theo quy định trên.

III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐÓT CỔ PHẦN HÓA**1. Chi phí cổ phần hóa**

Căn cứ quy định tại Điều 12 Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011, tổng mức chi phí cổ phần hóa tối đa đối với doanh nghiệp có giá trị doanh nghiệp trên sổ kế toán có giá trị trên 100 tỷ đồng là không quá 500 triệu đồng. Giá trị thực tế doanh nghiệp của Công ty theo sổ sách vào thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2014) là 322.949.028.943 đồng, do đó, tổng chi phí cổ phần hóa của Công ty theo quy định là 500 triệu đồng.

Theo Quyết định 6767/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân TP.HCM về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà thành phố thuộc Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước thành phố thành công ty cổ phần, mức chi phí cổ phần hóa là không quá 500.000.000 đồng.

Chi phí cổ phần hóa sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa

2. Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước và kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại Điều 42 của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 và mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

Đvt: đồng

TT	Khoản mục		Số tiền (đồng)
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	(a)	91.000.000.000
2	Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	(b)	90.984.072.363
3	Tiền thu từ cổ phần hoá	(c)	52.029.600.000
3.1	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV		6.409.600.000
	+ Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước		3.855.600.000
	+ Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần		2.554.000.000
3.2	Thu từ bán cổ phần cho công đoàn		0
3.3	Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài		45.620.000.000
4	Giá trị mệnh giá cổ phần đã bán cho CBNV, bán đấu giá ra bên ngoài	(d)	54.600.000.000
5	Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm để lại DN	(e) = (a) – (b)	15.927.637
6	Chi phí cổ phần hoá đơn vị thực hiện	(f)	500.000.000
7	Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư	(g)	3.367.023.608
8	Phần thặng dư vốn để lại DN tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm /Vốn điều lệ	(h) = [(c)–(d) – (f) – (g)] x [(e)/(a)]	0
Tổng số tiền nộp vào Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Công ty mẹ		(c) – (e) – (f) – (g) – (h)	48.146.648.755

Công ty sẽ thực hiện hoàn vốn ngân sách nhà nước theo quy định sau khi hoàn tất việc bán cổ phần ra bên ngoài.

IV. PHÂN TÍCH CÁC RỦI RO DỰ KIẾN.

1. Rủi ro về kinh tế

Là một bộ phận của nền kinh tế, Công ty TNHH một thành viên Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh cũng chịu tác động bởi những rủi ro mà các doanh nghiệp trong toàn bộ nền kinh tế phải đối mặt như sự biến động của kinh tế thế giới, sự ảnh hưởng của thu nhập, lạm phát của nền kinh tế quốc dân,...

Rủi ro về kinh tế là một trong những rủi ro hệ thống có tác động trực tiếp lẫn gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Việc xem xét các thay đổi về cơ chế vận hành và khả năng tăng trưởng của nền kinh tế nói chung có ý nghĩa lớn trong việc đánh giá và dự báo tình hình kinh doanh của Công ty, đồng thời chuẩn bị trước các tình huống ứng phó cho sự thay đổi bất lợi có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Doanh nghiệp.

Sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) từ đầu năm 2007, nền kinh tế Việt Nam đã dần hội nhập sâu hơn với nền kinh tế thế giới và ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của nền kinh tế quốc tế. Dưới tác động của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu kéo dài từ năm 2008, kinh tế Việt Nam đã gặp phải không ít khó khăn, tăng trưởng GDP hàng năm có dấu hiệu chậm lại so với giai đoạn trước đó. Theo số liệu của Tổng cục thống kê: tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2012 là 5,03%, năm 2013 là 5,42%, năm 2014 là 5,9%, 9 tháng đầu năm 2015 đạt 6,5%, là mức tăng cao nhất so với cùng kỳ 4 năm trước (Nguồn: Tổng cục thống kê).

Năm 2015, nền kinh tế trong nước đã có nhiều chuyển biến khá khả quan, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9 tăng 0,4% so với tháng 12/2014; bình quân 9 tháng tăng 0,74% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu 9 tháng đầu năm ước đạt 120,7 tỷ USD, tăng 9,6% so với cùng kỳ năm 2014; tổng kim ngạch nhập khẩu 9 tháng đầu năm ước đạt 124,6 tỷ USD, tăng 15,9% so với cùng kỳ năm 2014, tỷ lệ nhập siêu khoảng 3,9 tỷ USD, bằng 3,2% tổng kim ngạch xuất khẩu và vẫn ở mức cho phép. Điều này góp phần tạo điều kiện ổn định cho tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, thực trạng kinh tế toàn cầu sẽ vẫn có thể tiếp tục gây ảnh hưởng tiêu cực đối với nền kinh tế Việt Nam. Do đó, rủi ro từ kinh tế cũng sẽ có những tác động nhất định đến Công ty trong giai đoạn tới.

2. Rủi ro pháp lý

Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như của các doanh nghiệp khác. Đó là rủi ro pháp lý ở khía cạnh hệ thống, ảnh hưởng đến hầu hết các doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Sự thay đổi này có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động của Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau. Trong đó nhiều chính sách mang tính đặc thù như các quy định về sản phẩm dịch vụ công ích, quy định chuyên ngành xây dựng, giao thông. Các sắc luật này sẽ tiếp tục được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Bất cứ sự nào cũng sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý. Cùng với quá trình phát triển, Công ty sẽ tiếp tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

3. Rủi ro đặc thù

3.1 Rủi ro đặc thù trong hoạt động sản xuất

Hoạt động xây dựng, thi công công trình là một trong những hoạt động có rủi ro về tai nạn lao động. Sự cố có thể xảy ra bất cứ lúc nào nếu các quy trình, quy định về an toàn lao động – bảo hộ lao động không được thực hiện nghiêm túc hoặc do có sự bất cẩn của con người. Trong điều kiện đặc thù của các công trình giao thông (vừa thi công vừa đảm bảo giao thông) thì khả năng xảy ra sự cố càng lớn. Do đó, việc phân tích, quản lý rủi ro này bằng nhiều biện pháp trong đó có bảo hiểm cho hoạt động xây dựng và trách nhiệm đối với người thứ ba là điều bắt buộc.

3.2 Rủi ro từ các đối tác kinh doanh

Trong hoạt động kinh doanh sự ràng buộc giữa các chủ thể dân sự thông qua hợp đồng kinh tế. Tuy nhiên, vẫn có trường hợp đối tác kinh doanh/khách hàng không thực hiện đúng trách nhiệm đã cam kết vì nhiều lý do. Đây là rủi ro tiềm ẩn cần có sự quản lý như:

tìm hiểu kỹ về thông tin khách hàng trước khi ký kết hợp đồng, nghiên cứu kỹ các điều khoản hợp đồng có sự trợ giúp của tư vấn pháp luật, trích lập dự phòng tài chính để kiểm soát các rủi ro này.

3.3 Rủi ro về sự biến động giá, lạm phát

Các hợp đồng thi công các gói thầu xây dựng công trình giao thông/hạ tầng kỹ thuật thường có thời gian dài. Các biến động về giá nguyên vật liệu, xăng dầu, năng lượng đều có sự tác động lớn về giá thành/lợi nhuận của doanh nghiệp. Do đó việc lập kế hoạch chi tiết để thi công các gói thầu lớn có tính đến các rủi ro tiềm ẩn là một việc bắt buộc.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán cổ phần lần đầu được coi là không thành công trong trường hợp số lượng cổ phần thực tế bán được thấp hơn số lượng cổ phần dự kiến chào bán trong thời hạn quy định.

Với thực trạng hiện nay, thị trường chứng khoán Việt Nam có dấu hiệu khởi sắc song chưa hồi phục hoàn toàn. Dòng tiền vào thị trường còn hạn chế. Nguồn cung cổ phiếu dồi dào từ các cổ phiếu đã niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trước chủ trương chuyển đổi nền kinh tế và cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước thì các hoạt động thoái vốn, IPO,...cũng diễn ra mạnh mẽ, tạo sự đa dạng trong việc lựa chọn đầu tư cho các nhà đầu tư, tuy nhiên cũng tạo áp lực và bất lợi cho nhiều doanh nghiệp khi IPO cổ phiếu lần đầu ra công chúng.

Do đó, việc bán đấu giá cổ phần lần đầu của Công ty có thể sẽ gặp một số ảnh hưởng từ tình hình chung của thị trường chứng khoán Việt Nam.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro hệ thống và rủi ro cá biệt như trên, Công ty cũng như các đơn vị kinh tế khác, sẽ chịu ảnh hưởng và bị tổn thất trong trường hợp xảy ra các rủi ro bất khả kháng như: thiên tai (bão, lụt, động đất,...), hỏa hoạn,...

V. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

❖ Ban chỉ đạo cổ phần hóa

- | | | |
|-------|------------------------|---|
| ▪ Ông | Trương Văn Non | Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh – Trưởng ban |
| ▪ Ông | Trần Minh Thành | Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh (HFBC) – Thành viên |
| ▪ Ông | Lê Mạnh Thư | Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh (HFBC) – Thành viên |

❖ Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa

- | | | |
|-------|--------------------------|--|
| ▪ Ông | Lê Hữu Châu | Giám đốc Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh – Tổ trưởng |
| ▪ Bà | Lê Nga Phương | Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh – Tổ viên |
| ▪ Ông | Nguyễn Trọng Ngôn | Trưởng phòng Kế hoạch vật tư Công trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh – Tổ viên |

❖ Đơn vị tư vấn

- | | | |
|------|--------------------------------|-------------------------------------|
| ▪ Bà | Trương Nguyễn Thiên Kim | Phó Tổng Giám đốc |
| ▪ Bà | Dương Thúy An | Phó phòng Dịch vụ Ngân hàng Đầu Tư |
| ▪ Bà | Nguyễn Thị Tuyết Mai | Chuyên viên Phòng dịch vụ NH Đầu tư |

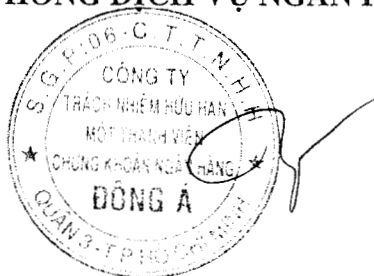
VI. CAM KẾT

Việc đánh giá, lựa chọn thông tin và ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên các số liệu và phương án cổ phần hóa đã được duyệt của Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà TP Hồ Chí Minh. Chúng tôi cung cấp thông tin với mục đích giúp nhà đầu tư có được những nhận định đúng đắn và khách quan trước khi tham dự đấu giá mua cổ phần của Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà TP Hồ Chí Minh.

Các nhà đầu tư cần tham khảo kỹ Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần của Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà TP Hồ Chí Minh./.

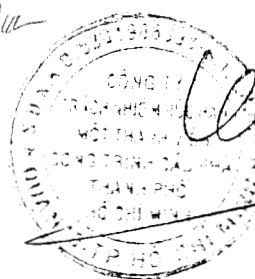
TP. Hồ Chí Minh, ngày 2.5.2015, tháng 12 năm 2015

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG ĐÔNG Á
PHÓ PHÒNG DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



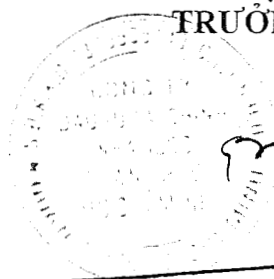
Dương Thúy An

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH
CẦU PHÀ TP HỒ CHÍ MINH
GIÁM ĐỐC



Lê Hữu Châu

TM. BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
TRƯỞNG BAN



CHỦ TỊCH HĐQT HFIC
Trương Văn Non